ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

Tập 2 : CHÍNH BIÊN - SƠ TẬP

Biên soạn : QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN
Người dịch : ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : HOA BẰNG

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA, HUẾ 2006

Tái bản lần thứ hai

QUYỂN ĐẦU

QUYỂN 1

TRUYỆN CỦA CÁC HẬU PHI

Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng hậu

Nguyễn Từ Phi

Thế Tổ Thừa Thiên Cao Hoàng hậu

Thuận Thiên Cao Hoàng hậu

QUYỂN 2

TRUYỆN CỦA CÁC HOÀNG TỬ

Các con Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế

Các con của Thế Tổ Cao Hoàng đế.

QUYỂN 3

TRUYỆN CÁC CÔNG CHÚA

Bốn con gái của Hưng T

Các con gái của Thế Tổ:

QUYỂN 4

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC I

(Tôn Thất)

Tôn Thất Huy

Tôn Thất Hội

Tôn Thất Dụ

Tôn Thất Cốc

Tôn Thất Bính

Tôn Thất Chương

Tôn Thất Dịch

Tôn Thất Hoảng

Tôn Thất Nông

QUYỂN 5

Nguyễn Thái Nguyên

Nguyễn Đô

Trần Phước Giai

Phan Thiên Phước

Ngô Hữu Hựu

Nguyễn Văn Thiệm

Nguyễn Văn Mỹ

Nguyễn Văn Hương

QUYỂN 10

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC VII

CHƯ THẦN LIỆT TRUYỆN

Nguyễn Bảo Trí

Đặng Đức Siêu

Trần Đức Khoan

Nguyễn Đức Huyên

Nguyễn Tăng Địch

Nguyễn Doãn Thống

Nguyễn Công Nghị

Nguyễn Xuân Thục>

QUYỂN 13

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC X

Tống Phước Thiêm

Nguyễn Đình Thuyên

Vũ Doãn Triêm

Nguyễn Văn Hoằng

Nguyễn Hữu Thụy

Lê Phước Điển

Tống Viết Phước

Nguyễn Văn Khiêm

Hồ Văn Lân

Nguyễn Văn Nhàn

Trương Phước Luật

Dương Công Trừng

Nguyễn Đăng Vân

Nguyễn Văn Tính

Nguyễn Văn Lợi

Nguyễn Văn Dực

Tôn Thọ Vinh

Nguyễn Văn Uy

QUYỂN 14

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XI

Nguyễn Thoan

Tô Văn Đoái

Nguyễn Long

Phạm Văn Sĩ

Tống Phước Châu

Ngô Công Quý

Lê Phước Điển

Cáp Văn Hiếu>

Mai Tiến Vạn

Trương Phước Dĩnh

Nguyễn Huy

Trương Phước Giáo

Đoàn Phước Tân

Nguyễn Hiên

Nguyễn Văn Thị

Nguyễn Văn Kỷ

QUYỂN 15

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XII

Nguyễn Đăng Chiêu

Nguyễn Văn Đắc

Hoàng Văn Tứ

Hoàng Phước Bảo

Trần Văn Xu>

Đặng Văn Lượng

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Công Thành

Nguyễn Văn Khương

Vũ Văn Chính

Đoàn Cảnh Cư

Nguyễn Văn Định

Hà Văn Lộc (có tên là Triệu)

Trương Phước Tuấn (có tên là Hiệp)

Trương Văn Minh

Trương Văn Chính

Trần Văn Học

Hoàng Tiến Cẩn

Trần Văn Trí

Lê Văn

Nguyễn Văn Tính

Nguyễn Hữu Nghị

Nguyễn Tiến Lượng

Lê Văn Quế

Nguyễn Văn Trị

QUYỂN 16

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XIII

Vũ Văn Lượng

Phan Văn Triệu

Trần Đại Luật

Trương Tiến Bảo

Nguyễn Văn Hiếu

Nguyễn Văn Nghĩa

Nguyễn Đức Thịnh

Trần Công Hiến

ht="0">
Nguyễn Văn Thành

Hoàng Văn Điểm

Vũ Văn Lương

Bùi Văn Nghi

Trịnh Ngọc Trí

Trương Công Lãm

QUYỂN 17

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XIV

Nguyễn Văn Thủ

Nguyễn Công Trọng

Lưu Tiến Hoà

Đỗ Phước Thận

Nguyễn Văn Loan

Vũ Văn Uy

Phan Văn Huyê

Vũ Văn An

Trần Công Lại

Hoàng Viết Toản

Trần Công Đề

Lê Tiến Sâm

Vũ Viết Bảo

Nguyễn Văn Tuyên

Nguyễn Văn Soạn

Trần Đăng Long

QUYỂN 18

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XV

Nguyễn Kim Phẩm

Trần Xuân Trạch

Nguyễn Đình Đắc

Vũ Nguyên Lự

Đinh Đạt Biển

Vũ Bá Diên

Nguyễn Hoài Quỳnh

Lê Công Xuân

Nguyễn Duy Hòa

Lê Chính Lộ

Nguyễn Quang Diệu

Phan Tiến Cẩn

QUYỂN 20

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XVII

Phạm Quang Triệt

Lê Đại Nghĩa

Nguyễn Thành Chẩn

Nguyễn Cửu Hanh

Trần Phước Tri

Nguyễn Tử Trinh

Trần Quang Tĩnh

Trần Công Đàn

Nguyễn Xuân Tĩnh

Nguyễn Du

Ngô Vị

Trịnh Hiến

Vũ Trinh

Nguyễn Đình Tứ

Nguyễn Viên

QUYỂN 21

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XVIII

Nguyễn Văn Thành

QUYỂN 22

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XIX

Ngô Văn Sở

Trương Phước Ph>

Nguyễn Văn Tứ

Hoàng Đăng Lý

Đào Văn Lương

Nguyễn Văn Trí

Nguyễn Đức Thành

QUYỂN 26

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XXIII

Nguyễn Tử Châu

Trần Văn Chạc

Nguyễn Đức Thiện

Trần Văn Thái

Nguyễn Hữu Thận

Trần Hiếu Liêm

Ngô Đình Giới

QUYỂN 2>

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XXIV

Lê Văn Quân

Nguyễn Văn Thoại

Lưu Phước Tường

Đặng Trần Thường

Đỗ Thanh Nhân

QUYỂN 28

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC XXV

Hà Hỷ Văn

Nguyễn Văn Tồn

Hà Công Thái

Bá Đa Lộc

Vinh Ma Ly

QUYỂN 29

TRUYỆN CHÉP VỀ CÁC NGƯỜI HẠNH NGHĨA>

Mai Sĩ Khang

Nguyễn Văn Tựu

Nguyễn Văn Liễn

Nguyễn Cư Sỹ

Nguyễn Cửu Phùng

Tạ Hữu Độ

Nguyễn Đình Tế

Nguyễn Văn Trình

Nguyễn Văn Lương

Nguyễn Văn Danh

Phan Đăng Doanh

Nguyễn Đình Thản

TRUYỆN CÁC PHỤ NỮ CÓ TIẾT LIỆT

Nguyễn Thị Kim, Nguyễn Thị Ngữ, Hoàng Thị Hân

Thị TNguyễn Thị Hảo, Phan Thị Trang

Nguyễn Thị Ý, Trần Thị Tuần, Thái Thị Oanh

Trương Thị Vân, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Thuỷ, Phan Thị Đốc

QUYỂN 30

TRUYỆN CHÉP VỀ NGỤY TÂY

Nguyễn Văn Nhạc

Nguyễn Văn Huệ

Nguyễn Quang Toản

QUYỂN 31

LIỆT TRUYỆN SƠ TẬP

QUYỂN ĐẦU

Bọn thần là Tổng tài, Toản tu ở Quốc sử quán, kính cẩn tâu về việc xin đem sách "Chính biên liệt truyện sơ tập" để tỏ ra điển tất.

imes New Roman">Trộm nghĩ, ử để lưu truyền lại, đã có từ lâu. Vì từ đế vương đời cổ, nhận giữ đồ, lục (1), kinh Dịch bắt đầu quẻ Kiền quẻ Khôn giúp nền giáo hóa ở trong, cùng là những hàng giúp mệnh, các người giúp sức, phong thanh khí tập, người hay người dở, điều tốt điều xấu, cũng không việc gì là không có sự thực. Thể cách làm ra liệt truyện, do đây mà tỏ ra, thực không thể thiếu được.

Nhà nước ta, nhận mệnh yêu mến của trời, nên cơ đồ ở cõi Nam. Thánh thần truyền nối, hơn hai trăm năm, sách Thực lục tiền biên, sáng để muôn thuở.

Kính nghĩ, Thế tổ Cao Hoàng đế, ứng mệnh trời thuận lòng người; dẹp yên rối loạn, trở lại đạo chính, thần hóa sánh với đất

trời; công tốt đầy khắp vũ trụ. Đã từng phụng chỉ làm sách "Chính biên đệ nhất kỷ", duy khi ấy, bên trong việc sửa sang, bên ngoài làm chính trị, quy mô xa rộng, bút của sử thần, không thể chép xiết.

Bọn thần phụng chỉ tra cứu suốt từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đặt ra Sử quán, chọn sai nho thần, biên chép lâu năm. Đến buổi đầu năm Thiệu Trị kính vâng sắc chỉ chuẩn cho sửa lại làm Liệt truyện, để đủ làm quan chiêm của một triều đại và để bảo rõ điển chương đến muôn đời sau. Tới năm Tự Đức thứ 5 (1852) bộ "Tiền biên liệt truyện" làm xong; phụng chỉ kế tiếp, làm bộ "Đệ nhất kỷ chính biên liệt truyện", các viên ở Sử quán lúc ấy, tham bổ khảo xét đính chính, chia từng mục, biên thành từng loại. Đầu là các truyện của Hậu phi; thứ là Hoàng tử, Công chúa; thứ nữa là các bề tôi; thứ nữa là người có hạnh có nghĩa, và các liệt nữ; cuối rốt chép phụ thêm các truyện về bọn tiếm thiết và việc nước ngoài, gồm có 8 mục, cộng 33 quyển, nhan đề là "Chính biên liệt truyện sơ tập". Trong đó tìm lấy nguyên nhân từ trước cốt yếu về sau, việc xét đúng, văn rõ ràng, thực đáng làm gương để khảo xét nhân lúc nhiều việc chưa kịp đem khắc ra ban hành, bản thảo vẫn để ở Lan Đài (2) không ai được thấy sự bí mật của bộ sách ấy.

Bọn thần nghĩ rằng: sách này sửa chép đến nay đã vài mươi năm rồi, về người về việc, đã rõ, há nên để mãi lâu ngày mà chưa nêu rõ ra ư? Nay xin kính đem nguyên bản kiểm xét kỹ lại viết ra rõ ràng tiến trình, đợi vâng chỉ chuẩn cho giao khắc bản in, để vào kho sử; ngõ hầu công liệt lớn của nhị kỷ trở về sau,

cũng xin thư đệ biên, chép nối thêm, khiến cho điển chương nhân vật của thịnh triều đều có sách chép sẵn, truyền mãi không cùng, thực là nguyện vọng lớn của bọn thần vậy.

Về việc khắc in xin đều do ty có chức trách sửa làm.

Vậy dám kính làm tập tâu lên, đợi Hoàng thượng quyết định.

Kính cẩn tâu lên

Thành Thái năm thứ I (1889), tháng 10 ngày 13 đệ tâu (ngày 5 tháng 11 năm 1889). Vâng chỉ chuẩn y lời tâu, phải kính theo lời chỉ.

(Thần) Nguyễn Trọng Hợp

Bùi Ân Niên

Trương Quang Đản

Đoàn Văn Bình

Hoàng Hữu Sứng

Thành Ngọc Uẩn

Trịnh Quang Chiểu

- Tô Châu

Phụng kiểm:

Hàn lâm viện kiểm thảo sung khảo hiệu, thần: Hồ Đắc Mưu, Hàn lâm viện điển bạ sung khảo hiệu, thần: Hồ Quý Thiều.

Phụng tả:

Nguyên điển nghi ty tư vụ sĩ bổ, thần: Trương Giảng, Chánh cửu phẩm sĩ bổ, thần:Nguyễn Quát, thần: Lê Quang Huân.

Tòng cửu phẩm sung đăng lục sĩ bổ, thần: Hoàng Cương, thần: Nguyễn Hữu Tuyên.

Thị sai tòng cửu phẩm sĩ bổ, thần : Lê Văn Hào.

Thư lại sĩ bổ, thần : Trần Văn Kinh.

Hành nhân ty hành nhân sĩ bổ, thần : Nguyễn Ngoạn.

Thu chưởng :

Hàn lâm viện đãi chiếu sung thu chưởng, thần : Lê Bá Nhượng.

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

QUYỂN 1

TRUYỆN CỦA CÁC HẬU PHI

Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng hậu

t size="3" face="Times New Roman">

="Times New Roman">Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng hậu là Nguyễn Thị, người ở làng Minh Linh, phủ Thừa Thiên, con gái Diễn quốc công Nguyễn Phước Trung (nguyên là họ Nguyễn, hoặc được cho họ là Nguyễn Phước, không thể xét được), mẹ là họ Phùng.

eight="0">
Khi hậu mới vào hầu ở nhà để (3) theo đạo trinh thuận, tập quen quy tắc trong chốn khuê môn. Sinh được ba con trai, con cả là Đông Hải Quận vương tên là Đồng, con thứ hai là Thế Tổ Cao Hoàng đế, con thứ ba là Thông Hóa Quận vương tên là Diễn; một con gái là Long Thành Công chúa, tên là Ngọc Tú. Khi

biến loạn năm Giáp Ngọ (4), hậu ẩn náu ở làng An Du, các Trưởng công chúa đều theo đến cả đấy. Mùa xuân năm Kỷ Hợi (1779), Thế Tổ Cao Hoàng đế sai người đón đến Gia Định, tôn làm quốc mẫu; gặp khi giặc Tây Sơn vào lấn cướp, Thế Tổ phải thiên đi nơi khác, hậu và cung quyến lui đóng ở đảo Phú Quốc. Thuyền của Thế Tổ ngự đi đảo Côn Lôn, gặp gió lớn, trôi giạt ở ngoài biển 7 ngày, trong thuyền hết nước uống, bỗng chốc nước nhạt chảy ra, nhờ thế mới đỡ. Tới khi thuyền của Thế Tổ lại trở về đảo Phú Quốc, Thế Tổ thuật lại tình trạng cay đắng khi ở giữa biển, hậu than rằng: "Gió lớn ở đảo Côn Lôn, giữa biển có suối nước ngọt, có thể biết là lòng trời ngầm giúp cho, con ta chớ nên lấy sự khó nhọc ấy mà tự nản chí". Thế Tổ lạy tạ nói rằng: Xin kính cẩn vâng lời dạy.

ăm Giáp Thìn (1784) Thế Tổ sang nước Xiêm cầu viện, Hậu và cung quyến dời đi đóng ở đảo Thổ Châu, mùa thu năm ấy, Thế Tổ đem quân đi Xiêm về đánh nhau với giặc không lợi. Mùa xuân năm Ất Tỵ (1785) Thế Tổ lại sang nước Xiêm, bèn đóng tạm ở Long Khâu, sai người rước từ giá (mẹ vua) và cung quyến đến nơi hành tại (5). Mùa

thu năm Đinh Mùi (1787) Thế Tổ từ nước Xiêm về, thuyền ngự tiến đóng ở Hà Tiên, sai Vũ Di Nguy, Phạm Văn Nhân, hộ vệ từ giá và cung quyến lưu lại ở đảo Phú Quốc. Mùa thu năm Mậu Thân (1788) quân ta lấy lại được thành Gia Định, liền sai bọn Nguyễn Văn Nhân rước về Gia Định, mùa xuân năm Canh Tuất (1790) dựng làm hậu điện rước đến ở.

Năm Bính Thìn (1796) mùa đông, tháng 10 ngày Kỷ Mão, Thế Tổ thân đem các quan bưng sách vàng, ấn vàng tôn làm Quốc mẫu Vương thái phi. Năm Tân Dậu (1801) dã lấy được đô thành, Gia Long năm thứ I (1801) mùa hạ tháng 4, Thế Tổ sai bọn Hoàng Viết Toản làm phụng nghinh sứ tháng 6 đến kinh. Tháng 11, Thế Tổ ra ơn cho làng họ ngoại, dân làng An Du, các việc ra lính tạp dịch thân thế đều miễn cho cả. Năm thứ 2, mùa xuân tháng 3, ngày Nhâm Dần, tôn làm Vương thái hậu.

Sách văn rằng: Vốn nghe: đức rất tốt của đế vương, sự cốt yếu không gì trước hơn điều hiếu, cho nên yêu kính làm ở trong nhà, mà phong hóa ngấm khắp cả nước, thế gọi là đạo hiếu suốt cả trong nước.

Kính nghĩ Thánh mẫu bệ hạ, là dòng dõi nhà thế phiệt có đức tiếng thơm chuyện tốt ở chốn khuê phòng. Kịp thời hầu đức nhân khảo sửa sang công việc trong cung cấm, tuy ở trong lúc biến nguy hầu quanh bên cạnh không lúc nào trễ biếng, vỗ nuôi thân nhỏ mọn này cho đến trưởng thành. Gặp trong nước có tai nạn, càng ân cần lắm. Quan hà ngoại cõi, không lúc nào yên ổn, lo về nước nhà, sớm khuya răn sợ, để có ngày nay. Trên nhờ linh thiêng của các tiên thánh vương ở trên thời giúp cho thành công; cũng là do thánh mẫu sinh ra dậy nuôi được thế. Nhân đức rất lớn không thể xưng tụng ra được. Tham xét điển chương, danh hiệu tốt đẹp, để hậu lòng hiếu kính mà đáp lại ơn nhân tử. Than ôi! Tôn kính bề thân ngửa trông đức Kiền nguyên (6) rất lớn, trời ban cho chịu nhiều điềm Lý cát (7) vô cùng. Ngày Giáp Thìn, Thể Tổ ngự ở điện, các quan dâng biểu mừng,

cho ăn yến cỗ thứ bậc khác nhau. Xuống chiếu bá cáo cho trong ngoài biết.

Mùa hạ tháng 4, truy tặng cho ông của Thái hậu là Phước Kiêm làm Dương Vũ công, Khai phủ phụ quốc, Quang tiến trấn quốc đại tướng quân, Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ ty, Đô chỉ huy sứ, Thiếu úy, Quận công, thụy là Đôn Hậu, cha sinh ra Thái hậu là Phước Trang làm Tán trị công thần, Đặc tiến khai phủ phụ quốc thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Trung quân, Đô đốc phủ chưởng phủ sự, Thái bảo, Miên quốc công, thụy Chính Trực. Lập đền thờ ở Phú Xuân gọi là đền Dục Đức, lại vì họ Phùng dựng đền ở xã An Du cho điệt ôn (cháu gọi mẹ Thái hậu là cô) là Phùng Thế Bình làm Cai đội, coi giữ việc thờ tự. (Minh Mạng thứ 13 đổi phong đền Dục Đức của Diễn quốc công, gọi là đền Diễn quốc công).

Năm thứ 3 (1804), mùa xuân tháng 3, dựng cung Trường thọ, mùa dông tháng 10, cung làm xong rước Vương thái hậu đến ở, Thế Tổ thân đến làm lễ chúc mừng, các quan và mệnh phụ đều đem giấy mừng cùng lễ phẩm tiến lên. (Các con tiến 20 lạng vàng, 100 lạng bạc, mệnh phụ tiến 10 lạng vàng, 50 lạng bạc).

Năm thứ 5 (1806) mùa thu, tháng 7, ngày Mậu Thân, dâng kim sách tôn làm Hoàng thái hậu.

Sách văn rằng: Trộm nghe, hiếu tất phải trước ở có lòng yêu kính, lễ không gì lớn hơn tôn bề thân, đã xét khắp đạo thường, đủ chứng tỏ điển thịnh.

Kính nghĩa Vương thái hậu bệ hạ, tiếng tốt rộng khắp, cao hxưa: đức hậu nết tốt, lúc yên lúc nguy một mực; đứa hóa làm phép cho chốn đình vi, lợi trạch khắp cả đến nền xã tắc; Phước để lại cho con cháu, ơn ngấm khắp đến thần dân; công nhân tích lũy, để có ngày nay. Cho nên thần (tức Thế Tổ) mới hợp lời của mọi người đã nhận danh hiệu là đế. Nghĩ đến công ơn sinh dục, nhưng trời không cùng, dám không tôn xưng danh hiệu tốt đẹp, để đáp lại ơn lớn. Kính cẩn bưng sách vàng, ấn vàng kính dâng tôn hiệu làm Hoàng thái hậu. Cúi xin nhận lấy danh hiệu to lớn chịu nhiều Phước tốt lâu dài; Phước ban từ trời, càng dài tuổi thọ, giống chín điều như (8).

Ngày Canh Tuất, Thế Tổ ngự điện Thái Hòa nhận lễ chúc mừng, xuống chiếu bá cáo trong ngoài biết.

Năm thứ 6 (1807) mùa thu tháng 7, khánh tiết lớn mừng Thánh thọ bảy mươi tuổi, Thế Tổ thân đem các quan đến làm lễ chúc mừng. Tôn nhân phủ, hoàng tử, hoàng tôn, tá hữu cung tần, văn ban, vũ ban, văn vũ mệnh phụ, công tính, cung thuộc, các thành doanh, trấn, đạo, dòng dõi công thần ở huyện Tống Sơn, họ Lê, họ Trịnh đều dâng lễ mừng, sai nhạc công múa bát dật (9), hát khúc Vạn niên hoan, Thiên hạ lạc, Thái bình lạc.

Thái hậu tính hiền từ yêu mến tự trời sinh ra, đối với chị là Từ phi, tình yêu càng quyến luyến, bỗng nhân khi Thái hậu trở trời gặp lúc Từ phi ốm kịch, Thế Tổ chưa dám tâu lên, tới khi Từ phi mất, Hậu mới biết, giận không ăn cơm. Thế Tổ thân đến thăm

sức khỏe, Hậu bảo rằng: Thân già này có một người chị, lúc ốm không được thấy, vì thế ăn không ngon, ngủ không yên. Thế Tổ quỳ ở dưới thềm, yên ủi và xin lỗi hồi lâu, ý Thái hậu mới giải bèn lại ăn cơm.

Năm thứ mười (1811) mùa thu, tháng 9, Thái hậu bị mệt nặng. Trước đây, sao chổi mọc ra, người hầu tâu lên Hậu biết, Hậu buồn rầu không vui. Có một đêm Hậu lẻn ra xem, vào bảo người hầu rằng: "ổi hiện ra, ứng vào thân già này". Đến đây Hậu bị bệnh nặng.

Ngày Kỷ Sửu, Hậu mất, thọ 74 tuổi, đem quan tài để ở cung Trường Thọ. Thế Tổ thương khóc không thôi, sai các quan bàn quy chế để tang. Ngày sóc ngày vọng tế điện to, đặt bàn chay lớn ở chùa Thiên Mụ. Năm thứ 11 (1812) mùa xuân tháng 3, ngày Mậu Dần, sách dâng tên thụy là Y Tĩnh Huệ Cung, Anh Trinh Từ Hiến, Hiếu Khang Hoàng hậu.

Sách văn rằng: thần nghe: kinh Dịch nói là thánh vật, kinh Thi khen là sinh dân, duy có đức dày thể theo đức lớn của quẻ Khôn cho nên tiếng tốt để lại đời sau mãi mãi.

Kính nghĩa Đại hành Hoàng thái hậu, nhân từ vốn tự tính trời, rộng lớn sánh với đạo đất. Gian nan vẫn theo đạo thường, giúp đức nhân khảo ta đã gặp vận nước tai biến lại đến khi thần phải khó khăn, chính mình đem khuôn phép kiên thuận, khuyên thần lấy mưu lược siêng lo, khiến cho thần dựng lại được nước nhà, nhất thống được bờ cõi, không phải do tự lời dạy của hậu, sao

được đến thế. Đức hóa tốt đẹp khắp đến các phương, tuổi thọ đã cao quá tuần bảy chục, sao đã vội bỏ sự cung dưỡng bằng cả thiên hạ, mà đi chơi ở chốn cõi tiên. Công cao như trời, muốn báo đền ơn sâu mà chẳng biết; ơn dầy như đất, nên thuật lại đức tốt đến vô cùng. Nay kính cẩn thân đem các quan xin mệnh lệnh ở nhà tôn miếu, kính bưng kim sách dâng lên thụy là Ý Tĩnh Huệ Cung, Anh Trinh Từ Hiến, Hiếu Khang Hoàng hậu.

Cúi xin anh linh sáng tỏ thêm lên, nhận lấy danh hiệu to lớn phối hưởng với Nễ cung (10), cùng lâm hưởng muôn thủa.

Ngày Kỷ Mão, bá cáo cho trong ngoài biết. Mùa hạ, tháng 4 táng ở lăng Thụy Thánh (ở núi Đinh Môn, thuộc huyện Hương Trà), ngày Giáp Dần rước thần chủ để ở cung Trường Thọ.

Năm thứ 12 (1813), tháng 9, lễ đại tường xong, Lễ thần dâng nói: Hiếu Khang Hoàng hậu lấy đức sánh với đức, sinh ra bệ hạ, rộng giúp nhân dân, lợi đến xã tắc, làm nên trung hiếu cho bệ hạ không gì lớn hơn, để lại công đức vô cùng cho đời sau, không những là có công với Hiếu Khang Hoàng đế cũng có công với tổ tông, có công với trăm họ nữa. Kinh Thi có nói rằng: "Hiệu thiên võng cực" (11) là nghĩa ơn đức của mẹ cũng như cha vậy. Xin đến sau ngày tế đàm, kính rước thần chủ lên phối hưởng ở Nễ cung. Sớ dâng lên, bảo là phải. Tháng 11, tế đàm rước thần chủ lên phối hưởng ở miếu Hoàng khảo (Minh Mạng năm thứ 2 đổi dâng miếu hiệu là miếu Hưng Tổ).

Đền Diễn quốc công nay do cai đội là Tôn Thất Tú coi giữ, hàng năm chi tiền công để cung việc tế tự.

Nguyễn Từ Phi

Nguyễn Từ Phi là chị Hiếu Khang Hoàng hậu. Trước kia vào hầu Hưng Tổ, sinh 3 con trai: con cả là Tương Dương Quận vương, tên là Hạo, con thứ nhì chết sớm, con thứ ba là An Biên Quận vương tên là Mân, 2 con gái lớn là Phước Lộc Công chúa Ngọc Du, con gái thứ là Minh Nghĩa Công chúa Ngọc Tuyền. Khi biến loạn năm Giáp Ngọ, Phi ẩn náu ở dân gian. Mùa xuân năm Kỷ Hợi, Thế Tổ Cao Hoàng đế sai người rước vào Gia Định, ở cùng với Hiếu Khang Hoàng hậu. Buổi đầu năm Gia Long rước về kinh, theo ở sau cung Trường Thọ. Mùa đông năm thứ 6 chết, tặng là Ý Thân Huy Gia Từ phi năm thứ 5 (1845) rước thần chủ thờ ở nhà thờộc Thái trưởng công chúa.

Thế Tổ Thừa Thiên Cao Hoàng hậu

Thế Tổ Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, họ Tống, là người ở quý huyện (tức huyện Tống Sơn) tỉnh Thanh Hóa, con gái Quý quốc công Tống Phước Khuông, mẹ là họ Lê.

Trước đây, Quốc công mang gia quyến vào Gia Đ;ịnh. Năm Mậu Tuất, hậu 18 tuổi, Thế Tổ Cao Hoàng đế đem đủ lễ vật đến cưới, tấn phong là Nguyên phi. Hậu là người cung kính cẩn thận, cử động có phép tắc lễ độ, vua rất quý trọng. Sinh được 2 con trai, con cả là Chiêu, chết sớm, con thứ là Cảnh, đã có truyện chép riêng. Mùa thu năm Quý Mão, giặc Tây Sơn đến cướp thành Gia Định, vua ngự ra đảo Phú Quốc, người nước Xiêm đến đón. Khi vua sắp sang Xiêm, trước hết sai Hoàng tử Cảnh sang Tây cầu viện. Bèn đem ra nửa dật vàng tốt cho Hậu, bảo rằng con ta đi rồi, ta sẽ đi đây, Phi phụng dưỡng Quốc mẫu ở đây, chưa biết sau này gặp nhau ở nơi nào và ở ngày nào, đem vàng này để làm của tin.

Mùa xuân, năm Giáp Thìn (1784) vua từ nước Xiêm về, Hậu rước quốc mẫu ở lại đảo Phú Quốc. Mùa thu năm Mậu Thân (1788) lấy lại thành Gia Định, sai người đến rước về Gia Định. Từ đây trở đi, mỗi khi vua đi đánh giặc, Hậu thường đi theo. Gia Long năm thứ 2 (1803) tháng 3, ngày Bính Thân lập làm Vương hậu.

Sách văn rằng: Đạo trời nhờ công khí âm để nôi, hóa tốt muôn vật; Thánh nhân đặt chức lên trong để giúp, nêu mẫu sáu cung. Xướng được điều tốt đẹp ấy thuộc về người có đức hay. Nghĩ đến Nguyên phi họ Tống, công nghiệp tốt như ngọc cư ngọc hoàng, dáng nghi đẹp như ngọc uyển ngọc diễm. Lúc rồng vàng còn ẩn núp, điềm lành sớm định, đức trinh tĩnh đã nối theo tiếng hay. Ngày chim cưu về tổ xưa tiếng tốt nêu cao, nết kiệm cần đã gây nền vương hóa. Con cháu được đông đàn, khác gì cây tiêu liêu nhiều quả, cung tần được yêu tới nhờ ở bóng cù mộc rộng che. Gặp bước gian truân, vui được vợ tốt; chật vật cờ bái vua Thang, cờ mao vua Vũ cùng trẫm rửa căm thù cho tiên vương tám chín đời; Xa xôi thành nước Thục, đường nước Tần theo ta chịu phong trần ba mươi năm ở nước bạn. Vất vả càng thêm kiên trì. Mềm dịu vốn quen lễ độ, có lòng hiếu thảo với cung Trường Lạc (12), thân làm đồ ngon đồ ngọt trong bữa cơm. Chia sự đắng cay ở núi

Cối Kê (13), tự dệt vải mỏng vải dầy cho quân lính. Bỏ trâm (14) ra chốn ngõ sâu, phần nhiều khuyên chăm chính sự. Trẫm nghĩ tế chứng thường nơi chín miếu, chân dày sương cùng nhớ đến tổ tông. Trẫm nghĩ sự lao khổ của sáu quân, nghe trống trận cũng chau mày thương tướng sĩ. Nhiều lo toan và trong lòng thành thực sâu xa, vẫn giấu kín mà tỏ đức ôn hòa mềm dẻo. Chắn gấu (15) để giữ vua nhà Hán, không hổ với Phùng Cơ, chạy ngựa (16) cùng dựng nghiệp nhà Chu, có phần hơn Khương Nữ. Kiền khôn gây dựng lại, đã giúp nhau trong lúc gian

nan; nhật nguyệt cùng sáng soi, cùng hưởng trong khi phú quý. Bèn xét điển đời cổ ban cho danh hiệu hay.

Vâng mệnh của Vương thái hậu, sai viên Chưởng thần vũ quân là Phạm Văn Nhân, Lễ bộ là Đặng Đức Siêu bưng sách vàng ấn ngọc lập làm Vương chính hậu

Ôi! Duy có nghiêm kính có thể thờ được người trên. Nhân từ có thể tiếp được kẻ dưới. Hậu siêng năng thì người không dám biếng lười. Hậu kiệm ước thì người không dám xa xỉ. Hậu nên nghĩ về điều ấy, để chịu Phước của nhà tôn miếu, để được tốt cho con cháu sau.

Năm thứ 3 (1804) truy tặng bốn đời: Cao tổ là Tống Phước Đức làm Cai cơ, tước Hầu; Tằng tổ là Tống Phước Dương làm Chưởng cơ, tước Quận công; ông là Tống Phước Thành làm Chưởng doanh, tước Quận công; cha là Tống Phước Khuông làm Thái bảo, tước Quốc công, lập đền ở Phú Xuân, gọi là đền Tống công. (Năm Minh Mạng thứ 13, đổi phong là Quy quốc công, đền Tống công sau dời đến Kim Long, đổi tên là đền Quy quốc công).

Năm thứ 5 (1806) mùa thu, tháng 7, ngày Kỷ Mùi, lập làm Hoàng hậu.

Sách văn rằng: Trộm nghĩ thế của thuần khôn, sánh với kiền nguyên, bắt đầu vương hóa, gây ở nội trị: cùng tôn cùng quý đối với lễ là trinh. Nghĩ đến vương hậu họ Tống: tiếng nghĩa rộng khắp, nết tốt đầy đủ: giữ việc trong cung cho Trẫm, chốn

nấu ăn được nghiêm lặng. Lúc trước trong khi xiêu giạt, trẫm lo nghĩ khó nhọc ở ngoài, Hậu siêng năng giúp đỡ ở trong; gian nan cùng giúp lẫn nhau, hiểm bằng nếm đủ tất cả; khoan thai khép nép rất là kính, tiến dâng ngon ngọt hết đạo hiếu; ơn huệ để cho con cháu, đức trạch khắp tới quân nhưng; ôn hòa kính cẩn kiệm ước đã giúp đỡ ta, đức tốt như ngọc hành ngọc vũ làm khuôn phép trong cung cấm, thói hay ở thơ Quang thủ đem giáo hóa cả thiên hạ, tu tề trị bình, cũng nhờ ở đấy. Trẫm mới hợp lời đình thần tâu xin, đã chính vì hoàng đế; nghĩ tới ngôi hậu ở trong cùng trẫm cùng trị, chúc ở trong cung; tốt ở triều đình là gốc. Đã dâng lời tâu xin chỉ Hoàng thái hậu, sai Chưởng thần vũ quân kiêm coi quân thần sách là Kiêm quận công Phạm Văn Nhân mang cờ tiết, Hộ bộ thượng thư. Tích thiện hầu là Nguyễn Kỳ Kế làm phó, mang sách vàng ấn vàng, tấn phong làm Hoàng hậu5; cho long trọng vị hiệu. Hậu nên nhận lấy danh hiệu cao quý ấy, sửa sang chính sự ở trong cung, kính cẩn việc thờ phụng ở nhà tôn miếu, làm khuôn phép người mẹ cho thần dân, kính siêng sửa đức nghĩ điều nghĩa cho sáng thêm; được hưởng nhiều Phước, giữ tốt mãi không chán.

Năm thứ 13 (1814) mùa xuân, tháng 2 ngày Ất Mùi Hậu mất, thọ 54 tuổi, để quan tài ở điện Khôn nguyên. Vua thương tiếc không thôi. Dụ các quan rằng Hoàng đế để tang Hoàng hậu một năm, là phải lễ. Trẫm ở trong cung để tang một năm, còn từ Hoàng tử xuống bàn định phép để tang có thứ bậc. Ngày Canh Tuất làm lễ thành phục, vua sai hoàng tử thứ tư (tức là Thánh Tổ Nhân Hoàng đế) dâng lễ tế điện. (Thánh Tổ Nhân Hoàng đế tuổi mới lên ba, vua sai Hậu nuôi, Hậu yêu sách phải có khế

khoán. Vua sai Lê Văn Duyệt viết một tờ giấy đưa cho. Hậu giao cho cung tỳ là Nguyễn Thị Lê cất giữ. Từ đấy Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, vào hầu ở trong cung làm con của Hoàng hậu. Đến sau Hoàng trưởng tử là Cảnh, Hoàng nhị là Hi, Hoàng ba là Noãn nối nhau chết đi, đến lúc có tang hậu, các quan hặc có người bàn đem Hoàng tôn Đán giữ việc thừa tự, Vua dụ rằng: Hoàng tử là con của Hoàng hậu, còn có khế khoán ở kia, nên sai làm chủ việc thờ cúng: việc lớn của nước không thể nhất khái câu nệ lễ của nhà mọi người. Nguyễn Văn Thành lại cho là lời xưng hô trong văn khấn khó nói. Vua bảo rằng: Con phụng mệnh cha để tế mẹ, danh chính ngôn thuận, có gì là không được. Lời nghị mới quyết định).

Mùa thu, tháng 7, ngày Mậu Tuất, tấn phong tên thụy là Giản Cung Tề Hiến Đức Chính Thuận Nguyên Hoàng hậu.

Sách văn rằng: Trị bên trong nhờ ở người nội tướng, nên Kinh Thi mở đầu là thiên gây nên nền phong hóa; có đức lớn thì nhận danh hiệu lớn nên Kinh Lễ trọng về điểm tôn xưng lúc tống chung. Lâu nhớ đức hay nêu rõ hiệu tốt. Đại hành Hoàng hậu Tống thị, con nhà danh giá kính giữ lời dạy, tự trời phối hợp cùng trẫm sửa mình, xếp dặt việc nhà, sấm gió đương lúc gian truân phong trần hợp sức giúp đỡ. Trời biển gian hiểm cố gắng giúp ta, quê ngụi lạnh lùng, kính hầu mẫu hậu, sớm khuya không trễ, răn bảo cùng nhau, nghĩ cùng trẫm báo phục mối thù cho miếu xã; nghĩ cùng trẫm cứu vớt nỗi khổ cho nhân dân. Cho nên trẫm lấy lại được cõi bờ dẹp yên được trong nước, nghĩ đến Hậu lấy hiếu để phụng thờ tổ tiên, lấy kính để tiếp đãi

người dưới, nhân đến phi tần, yêu cả con cháu, ra ơn cả thân hiền, để tâm đến cả làng xóm. Việc đưa đám Thụy lăng, xót thương hết lòng. Trước sau vẫn một tâm đức, trong ngoài theo về người thân. Tuổi thọ chưa đầy sáu chục, xe tiên đã vội xa vời. Nhớ đến người giúp giỏi, cử hành điển chương thường. Bèn xin mệnh lệnh ở tôn miếu, sai Khâm sai chưởng Hữu quân giám Thần sách quân, Khiêm quận công là Phạm Văn Nhân làm chánh sứ. Lễ bộ thượng thư, Hưng nhượng hầu là Phạm Đăng Hưng làm phó sứ, bưng sách vàng, ấn vàng tấn phong tên thụy là: Giản Cung Tề Hiếu Đức Chính Thuận Nguyên Hoàng hậu. Mong nhận lấy tên hiệu long trọng, để tỏ lâu đời. Than ôi! Ghi về việc, nêu về công lễ vẫn nên thế, sống thì vinh, chết thì thương, Hậu nên xét cho.

Năm thứ 14 (1815) mùa xuân, tháng giêng, vua sai bộ Lễ bàn về lễ tiểu tường, đại tường và trừ phục về cung Khôn nguyên. Quan bộ Lễ tâu nói: Theo sách Lễ ký, về tang một năm, 11 tháng thì tế luyện (tiểu tường), 13 tháng thì tế đại tường, 15 tháng thì tế đàm, thế là lễ chính. Nhưng quan tài còn để quàn, chưa nên đem cát lễ mà đổi áo tang. Kính xét: Thiên tang phục Tiểu ký nói rằng sau ba năm mới làm ma, thì tất phải hai lần tế, trong khoảng hai lần tế ấy không được tế cùng một lúc mà bỏ áo tang, là vì có việc chưa thể sửa việc tang được. Về việc tế luyện (tiểu tường), tế đại tường, tất đợi khi chôn cất rồi, lại cử hành hai lễ tế ấy; nhưng phải tế làm hai lần không được cùng tế một lúc. Tiểu ký lại nói rằng: quàn lâu mà chưa chôn, duy có người chủ tang không được bỏ áo tang, còn người khác để tang bằng áo vải gai cứ hết số tháng bỏ áo trở thì thôi. Người chủ

tang không được bỏ áo tang là con để tang cho mẹ, cháu để tang ông bà, chưa chôn thì không được bỏ áo sô gai và dây lưng gai. Hết số tháng mặc áo gai nhười thân thuộc để tang một năm đến 3 tháng, cứ đủ số tháng thì bỏ áo tang, nhưng áo trở ấy vẫn còn phải thu cất đi, để đợi khi tống táng. Thế là khi chưa chôn, lễ tế luyện, tế đại tường chưa thể cử hành được, áo trở chưa được bỏ đi được, kinh có chép rõ ràng nghĩa nên tham khảo. Lại xét: Tiên nho Dữu Uất Chi nói rằng: Thiên Phục Vấn có nói "Vua chủ việc tang cho phu nhân", thế là lấy người tôn chủ việc tang cho người ti, không được giống như người ti chủ việc tang của người tôn, không lấy cớ rằng người ti chưa chôn mà để cho người tôn phải mặc áo trở mãi được. Từ Kiều Học cũng cho tới Dữu thị là phải. Thế mới biết là người tôn chủ việc tang cho người ti, tuy lâu chưa táng, nhưng không thể không từ phục vụ được. Vua cho là phải.

Năm thứ 1 4 (1815) mùa xuân tháng 3, ngày Nhâm Dần, chôn ở bên hữu chỗ huyệt lăng Thiên Thọ (thuộc núi Thụ Sơn, xã Định Môn, huyện Hương Trà, năm Gia Long thứ 13 mới dựng phần. Vua dùng phép hợp lăng đời cổ làm hai cái quách đá ở huyệt, chôn trong Bảo Thanh, trước cửa xây đá làm thềm bậc, đổi tên là núi Thiên Thọ). Ngày Ất Ty đem thần chủ để ở điện Hoàng Nhân.

Minh Mạng năm thứ 1 (1820), mùa hạ, tháng sáu, ngày Tân Mão dâng thêm tôn thụy là Thừa Thiên Tá Thánh, Hậu Đức Từ Nhân Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng hậu.

Sách văn rằng : Lễ không gì lớn bằng tôn lấy danh hay; hiếu không gì trước hơn thuật lại đức tốt, nhớ mãi khuôn phép tốt nên tỏ danh hiệu nay.

Kính nghĩ: Hoàng tỉ, Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng hậu, từ hiếu trời phú cho, đoan trang giữ lời dạy, việc nội trợ giúp cơ nghiệp gian nan tu tề trước chính vương hóa, thờ bề trên có dung nghi dịu thuận, trước sau đạo hiếu vẹn tuyền. Giáo hóa làm khuôn phép người mẹ khắp thiên hạ. Tin yêu nuôi nấng mọi người, đến cả phi tần. Tuy xe mây đã sớm đuổi tới cõi tiên, mà đức tốt vẫn lưu nơi cung cấm. Cho nên quả đức nới nối nghiệp lớn, truy tôn đã thuật lại thánh công, nhưng khôn nghi trên sánh với kiền nguyên (17) nối tốt lại xét theo điển lớn kính cẩn đem các quan xin mệnh lệnh nhà tôn miếu, đem sách ấn dâng thêm tôn thụy là : Thừa Thiên Tá Thánh, Hậu Đức Từ nhân, Giản Cung Tề Hiếu, Dực Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng hậu.

Cúi xin Thái hậu nhận lấy tên thụy vẻ vang, lên phối hưởng ở cung Nễ (18). Than ôi ! kính trọng người tôn đức đầy khó hình dung ra dược. Anh linh đầy rẫy, Phước nhiều đón hưởng mãi lâu dài, kính rước thánh vị, lên phối hưởng ở điện Minh Thành.

Năm thứ 3 (1822) mùa xuân, tháng giêng, rước thần chủ hợp thờ ở miếu Thế Tổ. Hậu là người nhân hậu cần kiệm, hiền từ yêu người. Trước kia trong lúc xiêu giạt, phụng dưỡng Hoàng thái hậu nếm trải mọi mùi gian nan hiểm trở, thường thân hành dệt cửi chính tay may lấy áo trận, để cấp cho quân sĩ. Một hôm

thuyền đi gặp giặc, vua đốc quân cố sức đánh, Hậu cùng cầm dùi đánh trống, quân lính tranh nhau phấn khởi thành ra đánh được quân giặc. Đầu năm Quý Mão (1783), vua cho Hậu dật vàng, Hậu nhận lấy cất đi, kịp khi thiên hạ đã yên định, Hậu thong dong trình dâng. Vua nói rằng : Vàng giữ làm tin đây, thực trời giúp đấy, không thể quên lúc gian nan, vậy nên lưu lại để bảo cho con cháu biết. Hậu nhận lấy dật vàng ấy cho Thánh Tổ Nhân Hoàng đế. Minh Mạng năm thứ nhất (1820) Thánh Tổ đem dật vàng ra bảo Phạm Đăng Hưng, Nguyễn Hữu Thận rằng: đấy là vật làm tin của hoàng khảo, khi dời đi xa lưu lại để đưa cho trẫm. Bèn sai khắc chữ vào dật vàng ròng: "Thế Tổ Đế Hậu Quý Mão bá thiên thời tín vật" (Vật giữ làm tin của Thế Tổ Đế Hậu lúc xiêu dạt đi xa về năm Quý Mão) rồi đem để ở điện Phụng Tiên.

Đền thừ Quy quốc nay do Cai đội là Tống Phước Sở coi giữ, hàng năm chi tiền công, để cung việc tế tự.

Thuận Thiên Cao Hoàng hậu

Thuận Thiên Cao Hoàng hậu họ Trần, người ở huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên, là con gái Thọ quốc công Trần Hưng Đạt, mẹ là họ Lê. Lúc biến loạn năm Giáp Ngọ, Hiếu Khang Hoàng hậu, ẩn nấp ở làng An Du, Hậu là con nhà danh giá, được tiến vào hầu. Năm Mậu Tuất(1778) Thế Tổ Cao Hoàng đế nhi871;p chính ở Gia Định sai người rước từ giá (tức Hiếu Khang Hoàng hậu). Mùa xuân năm Kỷ Hợi (1789) Hậu và các Trưởng công chúa đều theo đi. Hậu 14 tuổi được tiến vào cung, rồi tấn phong là Tả cung tần, hiệu là Nhị phi.

Khi ấy giặc Tây Sơn đương hăng, Thế Tổ phải xiêu dạt đi xa, Hậu cứ hàng đêm đốt hương khấn trời rằng: "Nay vận nước còn bối rối, chưa có yên định hẳn, may mà sinh con, sợ đương lúc chạy xa này, bỏ đi thì không nỡ, bế cõng đi theo, lại không khỏi bận lòng cho chúa thượng; nếu mệnh đáng có con, xin đợi thiên hạ thái bình, rồi sau hãy sinh con thực là trời cho vậy".

Năm Mậu Thân (1788) lấy lại được thành Gia Định. Có một đêm, Hậu nằm chiêm bao thấy người thân trình một cái ấn báu, hai cái ấn, cái ấn báu thì sắc đỏ bóng nhẫy tươi sáng như mặt trời; một cái ấn thì sắc tía, một cái ấn thì sắc rất nhạt, Hậu đều nhận cả.

Năm Tân Hợi (1791) Hậu 24 tuổi, sinh ra Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ở thôn Hoạt Lộc (thuộc Gia Định, khoảng năm Minh Mạng dựng đền Khải Tường ở đấy), con thứ hai là Kiến An vương, tên là Đài; thứ ba là hoàng tử Hiệu chết sớm; thứ tư là Thiệu Hóa quận vương tên là Chẩn.

Minh Mạng năm thứ nhất (1820) dựng cung Từ Thọ, ban ơn cho làng họ ngoại 150 lạng bạc (họ Trần 100 lạng, xã Văn Xá 50 lạng). Các quan xin dâng tôn hiệu, Thánh Tổ đem tờ biểu tấu lên. Hậu dụ rằng:Ta xem tờ biểu, đã biết Hoàng đế và các quan thành tâm rồi, Nhưng nghĩ Tiên đế ta chôn vào lăng chưa được bao lâu, quân dân phần nhiều ốm đau, ta thấy Hoàng đế lo siêng sợ hãi như thế, sớm khuya không yên, lòng ta tự thấy thương xót biết bao, tuy rằng tai họa ấy vị tất là do người làm vua kém đức nên nỗi thế, nhưng có thiên hạ, thì nên chịu lấy trách nhiệm của thiên hạ, cũng phải lo về sự lo của thiên hạ cũng là phải.Ta xin các lão tiên sinh, cùng một tâm đức giúp đỡ các điều hoàng đế không nghĩ tới để hồi lại ý trời, để vui sự sinh sống cho dân, thì ta vui mừng nhiều lắm. Về tờ biểu xin tôn sùng, bất tất cử hành là phải.

Mùa đông năm ấy, cung Từ Thọ làm xong, Thánh Tổ đem các quan xin chúc mừng. Hậu xuống dụ miễn cho, các quan lại dâng tờ biểu xin tiến tôn. Hậu xuống chỉ bằng lòng y theo : năm thứ 2 (1821) mùa xuân, tháng 3 ngày Quý Sửu, tấn tôn làm Hoàng thái hậu.

Sách văn rằng: Chí nguyên để xưng cho mẹ, sinh ra muôn vật nhân kia sánh với Kiền nguyên; đức lớn được danh hiệu lớn, được mệnh trời yên, Phước ấy bởi tự trời giúp. Thư đỏ chói lọi, sách ngọc rõ ràng.

Kính nghĩ hoàng mẫu bệ hạ, nhân hậu tự trời, hiền minh đức cũ từ ái đối với con cháu, Phước lộc thịnh cho nước nhà; dậy bảo cho thần, nên mới có ngày nay. Đã hưởng phụng dưỡng rất mực của thiên hạ, nên nhận lấy vinh hiển của thiên hạ. Tấm lòng thành thực tin ở mọi người đều nói, ngửa trông đức tốt khiêm khiêm (19), danh hiệu to lớn, để nêu rõ khuôn phép rất hay, ở văn quý quý (20), vậy đã mệnh lệnh ở nhà tôn miếu thân đem các quan kính bưng sách ấn dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu.

Kính nghĩ: Chính danh hiệu to chịu nhiều Phước tốt; một nhà đầy Phước vui vẻ, gốc giáo hóa làm phép bởi từ nhà; muôn năm tuổi thọ dài lâu, Phước lộc để mãi đến con cháu. Ngày hôm sau, ban ân chiếu cho trong ngoài, lấy ngày 27 tháng 11 làm tiết thánh thọ. Lại truy tặng cho tằng tổ là Trần Mậu Tài làm Thị trung trực học sĩ, phong là Văn Xá bá; ông là Trần Mậu Quế làm Lại bộ Thượng thư, phong là Gia Bình hầu; cha là Trần Hưng Đạt làm Thái phó, phong là Hà Ba (Hoa) quận công. Miễn lệ thuế tô công tư điền ba năm, tiền đầu quan về thuế thân và giao dịch 30 năm cho làng họ ngoại.

Mùa thu năm ấy, có việc bang giao, vua đi tuần miền Bắc, sai Hoàng trưởng tử tức Hiến Tổ Chương Hoàng đế ở lại kinh để hầu. Tháng 11 gặp tiết thánh thọ, Thánh Tổ chính tay làm tờ biểu sai Hoàng thái tử thay tiến lên.

Biểu văn rằng: Thần lâu cách buổi sớm buổi hôm, xa rời bên tả bên hữu, xem mây từ mà càng quyến luyến, trông ngày khánh càng thấy băn khoăn. Nay gặp tiết Thánh thọ tiết tiểu xuân

(tháng 10) ra lệnh ngày trường chí (ngày đông chí) họp Phước; thần trước đây vâng lời từ dụ bảo việc khánh hạ năm nay nên đình miễn; lại vì có việc ban giao ở lâu bên ngoài, không thể thân bưng chén rượu thọ hầu vui chúc Phước, trong lòng sợ hãi, thức ngủ không yên. Kính sai Hoàng tử ở Kinh kính bưng hòm biểu, và ba dật vàng tốt thượng hạng, 100dật bạc đến cung dâng lên để tỏ lòng thành nhỏ mọn đến nơi phương khuyết (21), dãi tâm tình nhớ mến ở đất Long Biên (22), cúi mong tuổi thọ như mặt trời mới mọc, mặt trăng thường sáng, Phước lớn giải mãi không cùng. Chúc Phước như núi kia sông nọ, cao sâu dài bền, vui cùng thần dân khắp cả. Thêm nhiều Phước tốt càng tăng điều lành. Ức vạn năm vẻ vang, rộng mở Bảo lục (23) tám nghìn xuân năm tháng, chồng chất cơ trù (24), năm thứ 3 (1822) mùa xuân, tháng giêng, tiết Chính đán (mồng một tết) Thánh Tổ đem các quan xin làm lễ mừng, Thái hậu không ưng cho. Năm thứ 2 (1823) mới nhận lễ chầu mừng; từ đây hàng năm lấy làm lệ thường. Tiết Đoan dương, tiết Thánh thọ cũng như thế.

Năm thứ 5 (1824) dựng đền Dụ Khánh, (ở phía Tây kinh thành, năm Tự Đức thứ 5 đổi thành đền Thọ quốc công) thờ Hà Ba quận công. Lại truy tặng tổ năm đời là Trần Phước Tư làm Hàn lâm viện thị độc học sĩ, Tổ bốn đời là Trần Văn Thuật làm Thái bốc tự khanh, dựng từ đường ở Văn Xá thờ năm đời họ Trần. Tự Đức năm thứ 5 đổi từ đường họ Trần làm đền Dụ Khánh, lại miễn thuế cho làng họ ngoại ba năm. Năm thứ 7 (1826) cho họ Trần 100 quan tiền và áo quần đều có thứ bậc khác nhau.

Năm thứ 8 (1827), mùa đông, khánh tiết lớn Thánh thọ sáu mươi tuổi. Bên tả bên hữu nhà Duyệt thị dựng nhà rạp căng lụa màu, bên tả bên hữu dựng nhà sàn lợp lụa năm màu; lại dựng nhà rạp căng lụa màu ở sân điện Cần Chính; trước lầu Phu Văn dựng nhà ăn yến. Trước mười ngày Thánh Tổ mặc triều phục đến cung Từ Thọ hầu cơm, quỳ dâng thìa đũa. Đến ngày khánh tiết, Thánh Tổ thân đem các quan làm lễ chúc mừng, dâng rượu chúc thọ ba lần; nhạc sinh múa Bát dật. Ngày hôm sau ban ân chiếu thưởng tất cả các quan lụa màu bạc lạng có thứ bậc khác nhau.

Năm thứ 10 (1829) mùa xuân, Thánh Tổ thân làm bài tụng"cửu như" để dâng. Lời tụng rằng: Như đất lâu, như trời dài, như sông biển rộng như ngôi sao sáng, như phù tang (cây dâu) ở biển đông, sinh nhiều bóng tốt như ngọc bích lớn ở núi Côn Cương trinh chính bền rắn; như Vô lượng thọ Phật (25) từ bi trí tuệ cho Phước khắp cả con cháu ra ơn đến cả cõi xa. Sau vâng từ chỉ miễn lễ dâng bạc và ba tiết lớn và lệ thuế ở Sở Thương bạc, miễn thuế tô ruộng cho làng họ ngoại 5 năm, cho thêm tiền 1500

Thái hậu tính cần kiệm, từng đặt nhà dệt nuôi tằm ở trong cung, thân đến trông nom để làm vui.

Năm thứ 11 (1830) gặp tiết tứ tuần đại khánh của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, ban ơn cho làng họ ngoại 150 lạng bạc.

Năm thứ 13 (1832) truy tặng cha (sinh ra thái hậu) là Trần Hưng Đạt làm Đông các học sĩ, Thái phó, phong là Hoa quốc công; mẹ (sinh ra thái hậu) là phu nhân họ Lê làm Hoa quốc nhất phẩm phu nhân. Miễn thuế lệ tô ruộng cho làng họ ngoại 5 năm, cho thêm tiền để cung việc tế tự 3 từ đường họ Trần là 1000 quan.

Thánh Tổ từng thân đến hầu cơm, Thái hậu đứng dậy đi lại để tỏ ra khỏe mạnh. Thái hậu nói rằng: ta biết Hoàng đế chăm lo suốt ngày, há nỡ lấy cái tuổi gần 70 mà lại làm lụy cho con, cho nên hàng ngày cố gắng ăn thêm, tự thấy tâm thần thảnh thơi, hoàng đế nên chớ phải lo. Thánh Tổ cả mừng lạy tạ.

Năm thứ 18 (1837) mùa đông, tháng 11 gặp khánh tiết lớn Thánh thọ 70 tuổi. Ngày 16 tháng ấy là ngày Canh Dần, Thánh Tổ thân đem các quan bưng sách vàng ấn vàng dâng huy hiệu là Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu.

Sách văn rằng: có đức thì tất được danh, tôn bề thân gọi là đạt hiếu. Thế cho nên Đại Nhã, kinh Thi có thơ Tư trai sách ngọc nêu lên đức tốt, điển nghi long trọng ở cung Trường Lạc, sử đỏ (26) để sáng lâu dài, đều là để rõ Phước tốt mà nêu ra đức tốt vậy.

Kính nghĩ Thánh mẫu Hoàng thái hậu bệ hạ, bao rộng để hợp Phước lành, tĩnh nghiêm để chỉnh khuôn phép. Tám cõi gió, hòa ấm áp, bảy tuần tuổi thọ khang cường, kính gặp điển lễ vui mừng, thêm thỏa tấm lòng hoan hỷ. Rất mực thay khôn nguyên, rộng đầy khó hình dung về đức tốt. Xét theo các cổ

điển, tôn xưng để tỏ rõ về tiếng thơm. Cẩn bưng sách vàng, ấn vàng, kính dâng hiệu Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu.

Cúi xin nhận lấy danh hiệu tôn quý, hưởng nhiều Phước to lâu dài. Chín châu phụng dưỡng vẻ vang tấm lòng, những tiếc ngày nuôi ngắn ngủi, tuổi thọ thêm nhiều Phước tốt dâng lời tụng, mong được như núi lâu dài. Ngày hôm sau ban ân chiếu cho trong ngoài, lại miễn tô ruộng cho làng họ ngoại 5 năm, cho thêm tiền tự điền họ Trần là 4800 quan.

Năm thứ 20 (1839) tiết thánh thọ, ban dâng cho làng họ ngoại 1000 quan tiền.

Năm thứ 21 (1840) mùa đông, Thánh Tổ mất, di chiếu để lại cho Hoàng trưởng tử là Trưởng Khánh công nối ngôi. Cố mệnh đại thần là Trương Đăng Quế hội các quan làm bản tâu lên thái hậu biết, Thái hậu dụ rằng: Cha truyền con nối là đạo thường xưa nay, bọn ngươi phải nên giúp đỡ.

Thiệu Trị năm thứ 1 (1841) mùa xuân tháng 3 ngày Nhâm Tý, sách tôn là Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng thái hậu.

Sách văn rằng:đạo làm người hiếu thảo không có gì to bằng, thánh nhân chính nguồn gốc về lập giáo, điển lễ danh hiệu là điều lớn nhất, vương giả trọng về điển tôn xưng bề thân, cho nên, Đại nhã vịnh Tư trai, thích khen Kinh thất (27), mà Chương tụng vịnh Tuấn tiết, quy tốt cho Thương cơ (28), đều là nêu đức lành để danh lớn mà rõ thịnh ý đó.

Kính nghĩ: Thánh Tổ mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng thái hậu bệ hạ, nghiêm tĩnh để ơn lành, bao rộng ra đức hóa, rõ rệt đức hay mà sửa giáo hóa trong khuê khổn, giúp cho Thế Tổ ta 18 năm dựng cơ đồ, nói tốt người trước mà để lại người sau, mở cho tiên đế ta 21 năm thái bình thịnh trị. Tuổi thọ vui vẻ, được nhiều Phước tốt, ơn trạch thấm khắp nước nhà, dài lũ đông đàn lâu đội ơn trời Phước lộc để cho con cháu. Phụng dưỡng tôn vinh đủ làm vu danh xưng cao quý lâu tỏ vẻ vang để được kế thừa người khác, nhận nghiệp lớn này, yêu con nối nhờ về Phước ấm, phong hậu, cho nên nối công chí xưa cần nghi đạo hiếu, điển tôn xưng phải nên long trọng cử hành. Nên dã kính cáo nhà tôn miếu, bưng sách vàng ấn vàng, kính dâng tôn hiệu là: Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng thái hậu.

Cúi xin chính lấy danh to chịu nhiều Phước lớn quả giữ đạo đức thường trinh lâu sáng tỏ chốn cung đình, lưu mãi tiếng hay, việc làm tốt đẹp Phước lành nên xã tắc dược lâu lợi lớn.

Ngày hôm sau ban ân chiếu cho trong ngoài.

Thái hoàng thái hậu thường thong dong bảo Hiến Tổ về việc tin dùng người cũ tuân theo phép trước, khéo nối chí, khéo léo theo việc mới gọi là hiếu, đáng làm trưởng, đáng làm vua mới là người trên. Lại cho bài luận về vua tôi, dậy bảo cặn kẽ.

Mùa hạ năm ấy truy tặng cha sinh ra Thái hoàng thái hậu là Hoa quốc công Trần Hưng Đạt làm Cần chính điện đại học sĩ

thái sư, đổi phong là Thọ quốc công. Mẹ (sinh ra thái hoàng thái hậu) là họ Lê làm Thọ quốc nhất phẩm phu nhân.

Hiến Tổ thân đến hầu cơm, Thái hoàng thái hậu dụ rằng: Hoàng đế hầu cơm, đi bằng đầu gối, dâng đũa chính tay điều hòa nước canh, vui vẻ dâng chén, nhất nhất đều tuân theo chí của người trước, tình lễ thực là đầy đủ cả. Hiến Tổ giơ tay lên trán lạy tạ. Thái hoàng thái hậu thường đến chơi vườn Thường mậu, lên lầu Ký ân xa trông ruộng tịch điền, dụ Hiến Tổ rằng: Thánh Tổ yêu quý, chú ý đến hoàng đế, khác hẳn các con khác. Tổ mẫu già này biết rõ từ lâu. Năm trước Thánh tổ Nhân Hoàng đế dựng ra vườn này, vì sợ sự giàu sang dễ thành ra kiêu căng xa xỉ, không biết lo cho dân, thương nhà nông, cho nên dựng nhà phủ đệ cho hoàng đế ở trước ruộng tịch điền, khiến cho hoàng đế biết cấy gặt khó nhọc. Hoàng đế nên nghĩ kỹ về tiết kiệm, chớ xa xỉ về ăn uống, sửa sang cung nhà vườn7;c để làm vui, thực không phải là chí của người trước.(Năm ấy ra ơn cho làng Văn Xá họ Trần 2000 quan tiền, miễn thuế tô ruộng 5 năm).

Năm thứ 3 (1843) tiết Thánh thọ cho họ Trần 800 quan tiền.

Năm thứ 4 (1844) Thái hoàng thái hậu đến chơi vườn Cơ Hạ, Hiến Tổ quỳ đón ở cửa vườn, đi trước dẫn đường, cho võng Thái hoàng thái hậu chơi xem khắp cả. Nhân thể ngự coi ao Minh giám, các Quang biểu, xem làm sóng gợn, thả câu được nhiều cá tốt. Thái hoàng thái hậu dụ rằng, cá ở ao này không lo chài lưới, đầm ruộng cũng chẳng hơn thế. Xưa kia Chiêu liệt nhà Hán đối với Gia Cát Vũ hầu lấy cá nước tương đắc với nhau làm lời

ví, thực là câu nói hay. Vả đạo nhân quân làm chính trị, cốt nên thân người hiền xa kẻ gian, răn xa xỉ, chuộng tiết kiệm, Hoàng đế nên nhớ kỹ đấy.

Năm thứ 5 (1845) gặp Dao cung (tức Thái hoàng thái hậu) được ngũ đại đồng đường. Tháng 11, ngày Kỷ Mùi, Hiến Tổ thân đem Hoàng tử, Hoàng tôn, Hoàng thân, Tôn nhân phủ và các quan ở trong ở ngoài bưng kim sách, dâng thêm huy hiệu là: Nhân Tuyên Từ Khánh Phước Thọ Khang Minh Thái hoàng thái hậu.

Hiến Tổ thân làm sách văn rằng: Thần nghe có đức thánh thiện, hưởng được nhiều Phước, trời thêm cho là mệnh tốt, thân được khang cường, con cháu gặp sự tốt, cả cháu tằng và cháu huyền, cùng trông thấy từ xưa đến giờ. Khắc vào ngọc chạm vào vàng, để xưng tụng tôn bề thân là đạt hiếu, chính ở ngày này vậy.

Kính nghĩ: Thánh Tổ mẫu, Nhân Tuyên Từ Khánh Thái hoàng thái hậu bệ hạ, đức thánh tiết giữ lòng trong kính, bậc hiền minh mở bảo người sau; giúp cuộc trùng hưng nên thống nhất sơn hà, phong hóa bắt đầu gây mới, để lại Phước thừa cho 3 triều văn vật, dịch số diễn đến lâu đời. Ngày được khuyên răn, dạy kẻ tuổi trẻ nối noi công chí người trước; trời cho Phước lớn, mỏ cho nước nhà nhiều điềm tốt rõ ràng. Thư công Lạc tỏ ra điềm làm ngũ Phướcỏ thần giáp (29) dâng chúc tuổi thọ muôn năm; gần tới 8 tuần tuổi thọ, vui vầy ngũ đại đồng đường; vâng theo 3 đức vô tư (30), vinh dưỡng bằng 9 châu 4 biển. Nghìn phương xưng tụng, tám cõi vui mừng.

Cử hành nghi lễ chúc mừng để tỏ ra thuận tốt, tham xét điển chương thời cổ, tôn xưng để rạng rỡ đức to. Kính cẩn bưng sách vàng tấn tôn là Thánh Tổ mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Phước Thọ Khang Minh Thái hoàng thái hậu.

Cúi nghĩ sáng ngang mặt trời, được chịu mệnh trời, thuận theo đạo trời sánh với đạo đất. Cao sáng lâu dài không cùng; rộng đầy bao hàm có mãi. Đức tốt đẹp truyền khắp nơi, bày tỏ lòng, vui của muôn nước, ngậm đường ngọt vui cùng cháu chắt, đều dâng bài tụng chín điều như, ban ân cho trong ngoài xa gần đều vui vẻ. Cho họ Trần 400 quan tiền và áo quần đều có thứ bậc khác nhau.

Năm thứ 6 (1846) tháng 8, Thái hoàng thái hậu bị ốm, tháng 9, ngày Canh Tý hậu mất, thọ 79 tuổi, để quan tài ở cung Từ thọ, tháng 11 ngày Tân Sửu, kính dâng tôn thụy là: Thuận Thiên Hưng Thánh Quang Dụ Hóa Cơ, Nhân Tuyên Từ Khánh Đức Trạch Nguyên Công Cao hoàng hậu.

Sách văn rằng: thần nghe có đức lớn ở thiên hạ, tất nhận danh lớn của thiên hạ. Cho nên điển rạng tôn danh xưng chép ở kinh, mà văn thuật lại đức tốt lưu ở sách.

Kính nghĩ: Hoàng tổ tỷ, đại hành Nhân Tuyên Từ Khánh Phước Thọ Khang Minh Thái hoàng thái hậu, bao rộng nêu nết tốt kính thuận nổi tiếng hay. Đức hợp đạo Khôn giúp thành công dựng lên nhà Hạ. Đàm trình ấn báu chịu mệnh trời sinh ra nhà Thương. Đức sáng để lại sau, lan đến cả xã tắc; phong hóa gây

nền trước, làm phép cho nước nhà. Lòng dân vốn hay yêu rộng, mà đức thánh thiện đều đến khắp nơi, từ bi để hòa hợp khí,mà phần Phước thọ rất bề cao quý. Ba triều hợp Phước, ngũ đại đồng đường; ra ơn khắp cõi đất thấm xa, hậu Phước tựa bầu trời che phủ. Suy tìm Phước lành chứa chất ấy từ đâu mà có, cảm mộ biết bao giở cùng; ngửa trông nhân đức to lớn ấy, khó nổi hình dung, báo đáp làm sao cho xứng, bèn xét điển thưởng, đã hợp lòng chúng; mới xin mệnh lệnh ở các miếu, thân đem Tôn nhân phủ, các quan văn vũ, kính bưng sách vàng, ấn vàng dâng tôn thụy là Thuận Thiên Hưng Thánh Quan Dụ Hóa Cơ Nhân Tuyên Từ Khánh Đức Trạch Nguyên Công Cao hoàng hậu.

Cúi xin chính rõ danh to, nêu lên đức tốt, cao sáng thăng lên phối hưởng sáng với trời đất dài lâu không cùng; khói hương ngào ngạt phụng thở, giúp cho con cháu kế thừa mãi mãi.

Ngày hôm sau, ban ân chiếu cho trong ngoài. Tháng 12 ngày Canh Thân, táng ở bên hữu lăng Thiên Thụ (thuộc núi Thuận Sơn huyện Hương Trà, bên hữu núi ấy là núi Mỹ Sơn dựng diện Gia thành).

Năm thứ 7 (1847) miễn thuế điền 5 năm cho làng Văn Xá quê ngoại.

Thái hoàng thái hậu tính kiệm ước, hiền từ nhanh nhẹn. thiệp lịch kinh sử, chính mình hưởng sự phụng dưỡng của cả thiên hạ đến 30 năm, tuổi thọ gần đến 8 tuần, kịp thấy cháu huyền (tức

là cháu 5 đời). Nguồn Phước nhiều lâu, thực là sự rất tốt dẹp, hơn cả từ xưa đến nay.

Năm Tự Đức năm thứ 1 (1848) tháng 11, ngày Canh Thìn, rước thần chủ lên hợp tế ở gian giữa nhà Thế miếu, hướng Tây, rước thánh vị để ở gian giữa điện Phụng Tiên, hướng Tây. Năm ấy ban ân cho họ Trần và quê ngoại 2000 quan tiền.

Năm thứ 4 (1853) cho thêm kho của Tiên Thọ 24000 quan tiền.

Năm thứ 5 (1854) trở về sau, lại miễn thuế điền 15 năm.

Đền Thọ quốc công và đền Dụ khánh ở xã Văn Xá nay do Phó vệ úy là Trần Hưng Khanh coi giữ, điển lễ tuế thời tế tự tiền công để chi biện.

QUYỂN 2

TRUYỆN CỦA CÁC HOÀNG TỬ

Các con Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế

="black">Tương Dương quận vương Hạo: Con cả Hưng Tổ, mẹ là Từ phi họ Nguyễn, mới cho làm Cai cơ, gặp giặc hết sức đánh, chết ở trận (không chép năm nào). Năm Gia Long thứ 4 (1805) tặng hàm Thái phó, Quốc công, tên thụy Trung Nghĩa, được phụ tế ở nhà Thái miếu. Năm thứ 13 (1814) gia tặng là Trang công, thờ ở đền Triển Thân, Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), gia tặng là Tá Vận tôn thần, Tôn nhân phủ tôn chính, đổi tên thụy là Cung Mục, phong là Tương Dương quận vương. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) hợp thờ ở đền Thân huân, không có con thờ tự.

Hải Đông quận vương Đồng: Con thứ 2 Hưng Tổ, là anh cùng mẹ với Thế Tổ Cao Hoàng đế, mới bổ làm Đội trưởng thuyền Gia tam; Mùa xuân năm Ất Mùi (1775) theo Duệ Tông vào Gia Định, thường theo đi đánh giặc. Mùa thu năm Đinh Dậu (1777), giặc xâm phạm Long Xuyên, bị giặc giết chết. Năm Kỷ Dậu (1789), tặng là Đặc Tiến Phụ Quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ sĩ, Chưởng cơ, thụy Anh Ngăm Gia Long thứ 4 (1805) tặng là Dực Vân Minh Nghĩa tôn thần, Đặc Tiến Phụ Quốc thượng tướng quân,. Thái sư, Quốc công, đổi tên thụy là Trung Tiết, cho phụ tế ở nhà thái miếu. Năm thứ 13 (1814) gia tăng là Uy công, lại thờ ở đền Triển Thân. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) gia tặng là Tá Vận tôn thần, Tôn nhân phủ hữu tôn chính, đổi tên thụy là Cung Ý, phong là Hải Đông quận vương.

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) dựng đền thờ ở ấp An Tân, (thuộc huyện Hương Thủy) hợp thờ với Thông Hóa quận vương Điển, Thận An công Hy. Năm Tự Đức thứ 3(1850) đổi làm đền Thân Huân. Không có con thừa tự.

Khuyết hoàng tử thứ tư:

An Biên quận vương Mân: Con thứ năm của Hưng Tổ, là con cùng mẹ với Tương Dương quận vương Hạo. Mùa xuân năm Ất Mùi theo Duệ Tông vào Gia Định, thường theo đi đánh dẹp, bổ chức Thiếu phó quận công. Năm Nhâm Dần (1782) giặc Tây Sơn vào cướp, ông cùng Chu Văn Tiếp chia các tướng ra từng bộ để đánh nhau với tướng của giặc là Đỗ Nhàn Trập ở Ngưu Chữ (Bến Nghé) cả đánh phá được, giặc chạy về Quy Nhơn, lấy lại được Sài Gòn. Mùa xuân năm Quý Mão (1783) giặc Tây Sơn vào cướp, ông giữ đồn Giốc Ngư, đồn bị hãm, ông chạy sang qua cầu phao, giặc chặt dứt cầu, ông rơi xuống nước chết. Năm Kỷ Dậu (1789) tặng là Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ chưởng vệ sự chưởng doanh, thụy là Trung Dũng. Năm Gia Long thứ 4 (1805) gia tặng là Dực Vận Tuyên Lực tôn thần, Khai phủ phụ quốc nguyên soái, Thiếu phó, Quận công, thuỵ là Trung Liệt, cho phụ tế ở nhà Thái miếu. Năm thứ 13(1184) gia tặng là Tuyên Lực tôn thần, Khai phủ phụ quốc nguyên soái thái phó, Nghị công, thụy là Trung Hiến lại thờ ở đền Triển Thân. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) đổi phụ tế ở Thế miếu. Năm thứ 12, gia tặng là Tá Vận tôn thần, Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh, đổi tên

thụy là Trung Hoài, phong là An Biên quận vương. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) hợp thờ ở đền Thân Huân. Không có con thừa tự.

Thông Hóa quận vương Điển: Con thứ 6 của Hưng Tổ, là em cùng mẹ với Thế Tổ Cao Hoàng Đế. Năm Ất Mùi, theo Duệ Tông vào Gia Định, thường đi theo đánh dẹp. Năm Quý Mão (1783) giặc Tây Sơn vào cướp, quân ta đánh không lợi, theo Thế Tổ đi ra đảo Phú Quốc, vừa đến đảo Điệp Thạch thì giặc đuổi kịp vây lấy, ông bị giặc bắt được, chửi giặc, bị giết chết. Năm Kỷ Dậu tặng là Cẩm y vệ chưởng vệ sự, Cai cơ, thụy là Tráng Tiết. Năm Gia Long thứ 4, tặng là Dực Vận Tĩnh Nạn tôn thần, Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Thái bảo quốc công, thụy là Trung Mẫn, cho phụ tế ở đền Triển Thân. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) đổi làm phụ tế ở Thế miếu. Năm thứ 12, gia tặng là Tá Vận tôn thần, Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh, đổi tên thụy là Trung Tráng, phong là Thông Hóa quận vương. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) hợp thờ ở đền Thân Huân. Không có con thừa tự.

Các con của Thế Tổ Cao Hoàng đế.

Anh Duệ Hoàng thái tử Cảnh: Con cả của Thế Tổ, mẹ là Hoàng hậu họ Tống, năm Canh Tý (1780) sinh ở Gia Định, gặp giặc Tây Sơn hăng mạnh, Thế Tổ không có chỗ ở yên. Mùa hạ năn Quý Mão bị thua ở đảo Điệp Thạch. Thế Tổ sắp sang Xiêm, mới sai người Phú lăng sa là Bá đa Lộc (Evêque d'Adran) đưa ông sang Tây. Năm ấy ông m'9;i 4 tuổi, đến lạy từ biệt, Vua cùng Hoàng hậu gạt nước mắt đưa chân. Năm Giáp Thìn mới sang Tây, sai Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Liêm cùng đi. Mùa xuân năm Ất Tỵ đến Tiểu Tây, gặp khi trong nước Đại Tây có biến, đậu lại ở thành Phông-tia-thê-đơ, Đa Lộc cùng Văn Nhân bàn mưu làm thư cầu viện trợ ở But-tu-kê, vài tháng chưa được tin báo, người nước Hồng Mao nghe thấy, tranh xin hết sức giúp sức; bọn Bá Đa Lộc ghét về hung ngược giảo quyệt, khước từ đi. Mùa hạ năm Bính Ngọ, Trấn mục ở Tiểu Tây đem thuyền chiến đưa ông sang nước Đại Tây. Khi đã đến nơi, Quốc trưởng đãi lấy lễ Quốc vương. Ở mãi lâu ngày tuyệt không có ý giúp, bèn mưu quay về. Mùa thu năm ấy nước Bút-tu-kê sai tướng là An Tôn Lỗi mang quốc thư và phẩm vật đến dâng ở hành tại Vọng Các, xin vua vào ở nước ấy, tự nói là đã có 56 chiếc thuyền chiến đậu ở thành Cô-á để đợi đến giúp. Khi ấy vua ở nước Xiêm, người nước Xiêm cũng không có ý giúp. Kịp nghe tin báo của nước Bút-tu-kê đến, vua có lòng ghét bèn dụ cho An Tôn Lỗi về ngay và mật báo tướng sĩ định kế trở về.

Mùa thu năm Đinh Mùi (1787) vua trở về Gia Định, nhớ ông lắm, bèn sai Hộ bộ là Trần Phước Giai, quản Tiểu sai đội là Tống Phước Ngọc đi đón ông về. Mùa hạ năm Kỷ Dậu (1789) ông từ Đại Tây về, vua yên ủi ông rằng: Con ta đi góc biển chân trời đã

6 năm nay, ngày nay được hội họp là sự may trời giúp cho. Các quan xin dựng làm Thái tử, vua lấy cớ là tuổi còn nhỏ chưa cho. Mùa xuân năm Quý Sửu (1792) ông 14 tuổi, các quan lại cố xin vua mới nghe theo. Sách lập làm Đông cung, phong là Nguyên súy quận công, ban cho ấn có chữ " Đông cung chi ấn". Dựng phủ Nguyên súy, đặt liêu thuộc, lấy văn vũ đại thần (1ễ bộ 1 viên, phó tướng 1 viên) giúp làm việc phủ, việc nhỏ do các đại thần phân xử, việc lớn bẩm súy phủ quyết định, để lập chính thể. Lại dựng nhà Thái học, đặt chức Phụ đạo, Đốc học, Hàn lâm thị học, sớm hôm họp ở nhà Thái học, giảng đọc kinh sử. Đông cung nói câu gì, làm việc gì, thị học chép cả. Hàn lâm viện chế cáo là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định sung chức thị giảng.

Mùa hạ năm ấy, vua thân đi đánh ở Quy Nhơn, để ông trở lại trấn thành Gia Định. Mùa đông năm ấy, ông ra trấn Diên Khánh. Vua dụ rằng: Từ xưa các đế vương, không ai là không học, thế cho nên Thái Giáp học mà làm cháu hiền vua Thang, Thành vương học mà làm vua hiền nhà Chu. Ngươi vào lúc việc binh thư rỗi, nên tuân theo lời sư phó, siêng giảng kinh sách, học để nối sáng, ngày không chơi rỗi, thì khi có việc binh nhung đã có thể biết sai tướng điều binh; trong lúc thái bình, cũng biết tề nhà trị nước. Đến như người bên tả bên hữu, nên chọn người ngay thẳng, không thể ở liền với người không đứng đắn. Ngươi phải cố gắng đấy. Ông lạy xin vâng mệnh. Khi đã đến Diên Khánh trăm họ hưởng ứng một cõi đứng yên.

Năm Giáp Dần, giặc Tây Sơn là Nguyễn Quang Toản sai tướng là Trần Quang Diệu đem thủy binh vào cửa biển Nha Trang,

Nguyễn Văn Hưng đem bộ binh đến Bình Khang, hợp quân lại tiến sát đến thành Diên Khánh, bổ vây ba mặt, ông gọi Vũ Văn Lượng vào thành chống giữ, sai Mạc Văn Tô đóng đồn ở Tam Độc, Nguyễn Văn Nhân đóng đồn ở Long Cương, Nguyễn Long đóng đồn ở Thượng đạo, để ngăn quân giặc và thông đường tiếp viện của ta. Vua nghe tin đến cứu viện, giặc sợ hãi bị tan vỡ. Vua thân đốc quân đuổi theo đánh. Ông đốc xuất bộ binh các đạo theo đường thượng đạo đánh úp phá ba đồn Hà Nha, Thị Dã, Chủ Sơn, bắt được hơn 2000 quân giặc, giặc tan vỡ chạy ra, ông vâng mật dụ kéo quân về đồn Tân Thị. Vua thấy ông khó nhọc mãi ở ngoài sai Võ Tánh thay giữ thành Diên Khánh, ra lệnh cho ông đem quân thuộc bộ của ông coi về Gia Định trước.

Mùa đông năm ấy, giặc lại tiến đánh thành Diên Khánh. Mùa xuân năm Ất Mão vua thân đem thuyền quân đến cứu viện, ông ở lại trấn Gia Định, trong thì vỗ yên trăm họ, ngoài thì vận tải quân nhu, về phương pháp phòng ngự, có đủ điều kiện, làm cho quân dân đều yên cả. Lại hay giải quyết kiện tụng, cấm chỉ gian tà. Các đội Tiểu sai, Tiểu hậu, phần nhiều hay xuống các làng lừa dối kiợi, ông xét bắt tên can phạm tâu xin giết di. Ai nghe thấy cũng khen và thỏa lòng.

Năm Đinh Tỵ (1797) ông theo vua đi đánh Quy Nhơn, lại theo đi đánh Quảng Nam, khi đã kéo quân về, xin làm liệt truyện các bề tôi có lòng trung rõ rệt để khuyến khích lòng người. Vua cho y.

Ông thiên tư thông sáng, học qua các kinh sử, thích nghe lời nói thẳng, phụ đạo là Ngô Tòng Chu cũng làm hết chức trách người sư phó, tùy việc sửa chữa phần nhiều có ích. Một hôm giảng thiên Nhạc ký, Tòng Chu nói rằng: Người đời xưa làm nhạc cùng trời đất cùng khí hòa .Ông nói rằng : Người đời xưa làm nhạc như thế để cảm động đến trời đất, quỷ thần. Nay cúng tế ở miếu theo tục dùng bọn nữ nhạc, chèo hát, là rất vô vị. Giảng bàn đến đêm khuya, vẫn không biết mỏi. Tòng Chu nói rằng: Súy phủ tay không rời quyển sách rất là có ích. Ông nói rằng: Hán Cao Tổ, Tống Nghệ Tổ (tức Thái Tổ) đều là vua giỏi dựng nên cơ nghiệp. Hán Cao Tổ thì nói: Ta vì ngồi trên cật ngựa mà được thiên hạ, dùng thi thư làm gì mà Tống Tổ thì tuy ở trong quân chưa từng bỏ quyển sách, chỉ một việc ấy đủ biết hai vua kia đã cách nhau xa lắm. Tòng Chu nói rằng : Súy phủ nghĩ thế là phải đấy. Lúc mới trung hưng, lính trốn có luật cấm nặng, bắt vợ con lính trốn giam lẫn lộn ở trại giam quân, ông ra trông thấy thế, tâu rằng: Con trai con gái có phân biệt, là phép đời cổ. Người đàn bà giam giữ ở chỗ kín một đêm, suốt đời khó nói cho minh bạch được. Nay cho làm sở giam riêng biệt. Vua cho là nói phải.

Mùa đông năm ấy, ông thay Nguyễn Văn Thành trấn thủ Diên Khánh, Bá Đa Lộc, Tống Viết Phước đều lệ thuộc theo cùng. Viết Phước từng lấy lời nói đè lấn Bá Đa Lộc, vua nghe thấy, dụ ông rằng : nhân hậu tất nên quả quyết, mới nên việc ngươi trấn giữ Diên Khánh, việc ở ngoài cửa kinh thành trở ra đều phải trông coi cả; từ phó tướng trỏ xuống, ai không theo lệnh thì chém đầu để nghiêm tướng lệnh. Viết Phước sợ không dám nói nữa. Lâu

lâu ông muốn về thăm sức khỏe Hậu. Hậu đưa thư nghiêm trách ông mới thôi.

Năm Kỷ Mùi (1799) theo vua đi đánh Quy Nhơn, lấy được thành, đổi tên là thành Bình Định, để Võ Tánh ở lại. Tháng 9 kéo quân về.

Năm Canh Thân giặc vây thành Bình Định, vua đưa đại binh đến cứu viện, để ông ở lại trấn thành Gia Định. Gặp khi tỉnh Hà Tiên đói, Cai cơ là Mạc Tử Thiêm sai dân mua thóc ở Kiên Giang, Long Xuyên, quan ở đấy không cho mua, Tử Thiêm xin triều đình, ông nói rằng : buôn thóc đưa ra biển, tuy có điều cấm, nhưng dân Hà Tiên cũng là con đỏ của triều đình, há nỡ ngồi mà coi dân lặn xuống ngòi lạch chết ư ? Đem việc ấy tâu lên, được y theo lời xin, dân sống được rất nhiều. Đương khi ấy có việc gọi quân ra trận, hiện binh số ít, ông sai các doanh mộ lính, mỗi doanh lập một chi trấn thành hùng trấn để đủ coi giữ. Ở Vĩnh Trấn nhiều lính trốn, dân chưa đến 18 tuổi cũng sung vào ngũ. Ông nghe thấy thế bắt phải thôi đi, dân tình mới yên.

Năm Tân Dậu (1801) mùa xuân, ông bị bệnh đậu chết , tuổi 22. Vua nghe được tin, đau thương lắm, sai Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Tử Châu cùng bộ lễ sửa việc tang.

Sắc cho thành Gia Định đình việc tế tự lớn nhỏ cho đến ngày an táng mới thôi. Bình Khang, Bình Thuận thì đình 13 ngày. Về việc giá thú thì thành Gia Định đình 60 ngày, Bình Khang, Bình Thuận đình 30 ngày. Táng ở Bình Dương. Năm Gia Long thư 3

thờ ở Tả vu nhà Thái miếu, truy đặt tên thụy là Anh Duệ hoàng thái tử, lập nhà thờ đại mộ ở xã Vĩ Dã. Năm thứ 8, đưa về táng ở xã Dương Xuân. Lúc ông tuổi nhỏ gặp khi vận nước gian truân, lặn lội sóng gió, nương thân ở cõi xa, đi về 6 năm. Chính vị Đông cung vừa được tám năm, khi ở thì coi việc nước, khi đi xa thì coi việc quân, uy đức rõ rệt ở trong ngoài, tới khi chết, xa gần nghe thấy đều đau khóc.

Vợ là Tống Thị Quyên có hai trai là Mỹ Đường (1ại tên là Đán) và Mỹ Thùy (1ại tên là Cảnh) (31). Năm Gia Long thứ phong Mỹ Đường làm Ứng Hòa công, Mỹ Thùy làm Thái Bình công, tước trật lương bổng hàng năm và thưởng cho cũng như Hoàng tử công.

Trước đây vua ở ngôi, tuổi đã cao, các quan xin dựng ngôi Trừ nhị (người dự bị để nối ngôi vua), hoặc có người xin lập hoàng tôn Đán, vua không nghe. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) Mỹ Đường bị người mật tố cáo là tư dâm với mẹ là người họ Tống. Tống thị phải tội dìm xuống nước cho chết; Mỹ Đường phải dâng nộp ấn và dây thao, giáng xuống làm thứ dân; con trai con gái biên phụ vào sau sổ họ Tôn thất. Năm thứ 7, Mỹ Thùy bị quân lính ở Dực Chấn kiện, sắp giao xuống cho đình thần nghị tội thì Mỹ Thùy bị bệnh chết, không có con, bèn lấy con cả của thứ dân (Mỹ Đường) là Lệ Chung tập phong là Ứng hòa hầu, phụng thờ Anh Duệ Hoàng thái tử năm thứ 8, đổi phong làm Thái Bình hầu.

Năm thứ 14, mùa xuân, chánh, phó Tổng tài ở sở Ngọc diệp là bọn Phan Huy Thực, Tôn Thất Bằng tâu nói: Con cả của Anh Duệ Hoàng thái tử là Mỹ Đường, trước vì bị tội, con trai con gái biên phụ vào sổ họ Tôn thất, thiết nghĩ tội của Mỹ Đường là chỉ mình làm hại thân mình, so với nghịch Hợp nghịch Huệ có khác, huống chi, con là Lệ Chung hiện được tập tước để coi việc thờ tự về dòng Anh Duệ Hoàng thái tử, xin liệt vào tôn phả là thế thứ về phòng Anh Duệ Hoàng thái tử còn biên phụ thì bỏ đi. Đến như danh tự của Mỹ Đường, xin ở dưới những chữ "Anh Duệ Hoàng thái tử tử nhị" trong phả Hoàng thái tử đã chép, chưa rõ tội danh để còn án tích. Châu phê là phải.

Năm thứ 17, mùa đông, Phủ tôn nhân lại hội đồng với bộ Lễ tâu nói: thứ nhân là Mỹ Đường tội ác nặng lắm, con trai, con gái há nên còn để ở tôn phả; duy Lệ Chung đã được tập phong để giữ việc thờ tự về dòng họ Anh Duệ, xin cho miễn nghị. Còn con trai Lệ Chung là Lệ Ngân, con gái là Thị Văn, Thị Dao đều giáng làm thứ dân, tước bỏ tên ở sổ họ Tôn thất. Vua theo lời tâu. Năm thứ 20 (1839) đổi phong làm Cảm Hóa hầu, sau sai giữ việc thờ tự Anh Duệ Hoàng thái tử.

Năm Tự Đức thứ 1 (1848) Đông các đại học sĩ là Vũ Xuân Cẩn dâng sớ xin ban ơn cho con cháu Anh Duệ Thái tử nói: Thần nghe, đế vương làm chính trị, tất gốc ở thân người thân, mà ơn hậu đãi xếp đặt thứ tự trong họ hàng càng muốn cho ngấm khắp cả. Cho nên hoa và đài hoa cây dương lệ, Kinh Thi khen là đều sáng cùng nhau, cội gốc dây sắn bìm, sách truyện khen

đều nhờ bóng, đấy đều là lẽ bởi tình người nên thế, hậu đãi với người nên hậu.

Kính nghĩ : Thừa Thiên Tá Thánh, Hậu Đức Từ Nhân, Gián Cung Tề Hiếu, Dực Chính Thuận Nguyên Cao hoàng hậu, giúp Thế Tổ Cao Hoàng đế ta vượt biển trèo non trải bao gian hiểm, sinh ra Anh Duệ thái tử , tuổi mới lên bốn đã vâng lệnh sang Tây, chân trời góc biển, đi mãi sáu năm, tới ngày trở về, tấn phong là Nguyên Súy, chính vị Đông cung, giữ Gia Định, trấn Diên Khánh, lấy lại Bình Thuận, Phú Yên, theo đi thì coi việc quân, ở nhà thì coi việc nước. Ba quân vâng theo hiệu lệnh, trăm họ được đội ân uy, công nghiệp đã rõ rệt, thanh danh đã truyền bá. Chẳng may lúc tuổi trẻ chết đi để lại hai con là Mỹ Đường, Mỹ Thùy, khoảng năm Gia Long đã được phong tước công, sùng mệnh lòng hậu. Năm Minh Mạng thứ 5, Mỹ Đường đã bị tội phải phế làm thứ nhân, năm thứ 7, Mỹ Thùy lại ốm chết, về dòng ấy chỉ còn một Lệ Chung là con Mỹ Đường mà thôi. Trông nhờ ơn Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, nghĩ hậu đãi với người thân, đặc cách phong làm Cảm Hóa hầu, để giữ việc thờ Anh Duệ Thái tử. Thân kính thực lực, thấy đức của Thừa Thiên Cao Hoàng hậu thịnh lớn như thế, công của Anh Duệ Thái tử rực rỡ như thế, dù cho Mỹ Đường có tội cũng chỉ là tự bỏ mất luân thường của thân mình mà thôi. Bấy lâu phải truất bỏ đi, đối với phép luật đã cũ rồi, Lệ Chung đã được cải phong, để giữ việc thờ tự Anh Duệ Thái tử, tức là dòng dõi sau của Anh Duệ Thái tử. Mỹ Đường, Mỹ Thùy không được coi con là con, coi cháu (gọi bằng chú) là cháu nữa. Ân cách được như thế, hình như đã có sử trí

Kính xét Hoàng triều ta lệ định về tôn tước, con thân vương thì tập phong tước công, con thân công thì tập phong tước hầu. Thế thì dòng dõi thân vương có khác với dòng dõi thân công, huống chi là dòng dõi thái tử ư ? Tuy Lệ Chung hiện được bổng trật đã là hậu rồi, nhưng cũng chỉ cùng với Phước Long hầu là Tôn Thất Vĩnh như nhau thôi; nói về cấp bậc thân người thân, sợ còn chưa đủ để tỏ ra phân biệt. Về Lệ Chung xin gia ơn đặc cách tấn lên đồng phong (32), để cùng với dòng dõi phiên vương có khác. Đến như Mỹ Đường trước đó đã phế làm thứ nhân đến nay hơn 20 năm, lấy tình thân về phái nhà vua mà ngang hàng với dân thường trong sổ hộ, không giam cầm mà là cấm, cũng như tù phạm phải giam cầm, chắc rằng anh linh của Cao miếu ở trên trời cũng để lòng thương ngầm.

Nay thấy nhà vua lòng chí nhân rộng khắp tất cả thiên hạ được ngấm ơn, dẫu kẻ tù đồ muôn phần đáng chết đều có đường để lại sống, mà việc cho phụ tên vào tôn phả há không một điều bàn tới. Về Mỹ Đường xin nên đặc cách ra ơn cho lương lộc phân biệt, khiến cho có chỗ trông chở, được đủ nuôi sống lúc tuổi thừa, để trọn vẹn ý Thánh tổ Nhân hoàng đế thương nghĩ đến anh cả, và yên anh linh của Cao miếu ở trên trời, tức là một việc lớn nối chí theo việc của Hoàng thượng ta vậy. Cúi xin đợi chỉ, thần không dám xuất lược kêu xin.

Kính phụng lời vua dụ rằng: Nay cứ tập tâu bày của Vũ Xuân Cẩn, trẫm đã mở duyệt kỹ, ở trong tập nói về ơn hậu đãi với người thân, về điển đền công của nước nhà, lời nói và tình ý khẩn thiết, lý nghĩa rõ ràng, thực nên tùy việc ra ơn để tỏ đạo

hậu. Về khoảng xin gia phong cho Cảm Hóa hầu là Tôn thất Lệ Chung, chuẩn cho bộ Lễ ghi lấy, đợi sau khi hết tang, Phước tâu đợi chỉ, lượng cho tấn phong.

Năm thứ 2, Mỹ Đường ốm chết, Kinh thành có lệ khí, xuống c tìm cách để dẹp yên thiên tai. Đình thần là bọn Tạ Quang Cự 30 người tâu bày cho là trước kia Vũ Xuân Cẩn đã từng đệ tập tâu về dòng dõi Anh Duệ Hoàng thái tử, kính phụng lời dụ rõ ràng là về việc Cảm Hóa hầu Tôn thất Lệ Chung chuẩn cho bộ Lễ ghi lấy, đợi sau khi hết tang Phước tâu đợi chỉ, lượng cho tấn phong.

Kính nghĩ: đặc cách ra ơn, là hậu với người rất thân vậy. Bọn thần phụng xét Anh Duệ Hoàng thái tử là người rất thân của nước, và lại có công lớn, con là Mỹ Đường can về tội riêng, đến nỗi các con trai con gái đều phải tước bỏ họ tên ở tôn phả. Sau này năm Minh Mạng thứ 14 lại được liệt kê vào phả, đến năm thứ 17 lại tước bỏ tên di. Xét ra tội của Mỹ Đường thực tự làm nên tội, nay đã bị phế và đã chết rồi, đủ xứng đáng với tội, duy con trai con gái tên ấy đều là cháu của Anh Duệ Hoàng thái tử, cô đơn khổ sở, không chỗ nương tựa, tình đáng nên thương. Kính xét từ trước người trong tôn tịch bị gián hoặc có người can án truất bỏ tên ra; năm ngoái kính vâng lời dụ rõ ràng, là "Nhân viên họ Tôn thất, từ trước đến giờ gián hoặc có người thân can án phải tước tên trong sổ, giáng làm họ Nguyễn Thuận đổi theo họ mẹ, ghép vào dân xã là vì tình tội can phạm đều có nhẹ nặng khác nhau. Bấy lâu trừng trị thi hành cũng đủ xứng với tội. Nay chuẩn cho phủ Tôn nhân tra xét từ trước đến giờ có người

nào giống như thế, thì đem tội trạng những tên ấy đã can khi trước, kê danh sách làm bản tâu lên, lượng gia ơn cho". Rõ ràng lời dụ ôn hòa, ban ơn rộng rãi, thực là hậu đạo thân người thân, trọng ở ra ơn, không nỡ lấy điều lỗi trong một lúc mà tuyệt hẳn bản thân người ấy; tội riêng của một người, mà lây đến mấy đời. Nhân viên chi xa mà bị lỗi còn được như thế huống chi người ở phái gần, chỉ vì cha bị phế truất mà trọn đời không lệ thuộc vào đâu. Tưởng Thánh thượng càng để lòng thương đến. Về dòng Anh Duệ Hoàng thái tử, trừ ra Lệ Chung sẽ được ơn phong thì không kể, còn con trai con gái của Mỹ Đường để lại bao người có nên lại được tuân theo ơn cách năm Minh Mạng thứ 14 lại được liệt vào tôn phả, và cấp tôn bổng hay không, do tự ơn của thánh thượng.

Kính vâng lời vua dụ rằng: Nay cứ tập tâu của bọn Tạ Quang Cự trình bày, trẫm hai ba lần xét duyệt. Trong tập nói về ơn hậu với người thân, điển lệ lục người có công của nhà nước, cũng là nêu lên phong hóa trung hậu, châm chước việc nên làm nên bỏ, có thấy được đều gì, tất trình bày ra, cũng có phần nên lượm lấy để thi hành. Nhưng phải nên chước lượng sửa chọn để đến chỗ làm được. Về khoản xin cho con trai con gái của Mỹ Đường về dòng Anh Duệ Hoàng thái tử , xin lại được liệt vào tôn phả, cấp cho lương bổng họ tôn thất, thì xét ra Anh Duệ Hoàng thái tử có công với nước nhà, đạo hậu thân với người thân, nghĩa phải nên làm trước. Đương lúc mới phát ra tội án của Mỹ Đường, kính vâng Hoàng Tổ Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ta quyết đoán lấy nghĩa lớn, có lòng về chí nhân, lời dụ ôn hòa rực rỡ, nêu rõ

nghìn xưa. Kính nghĩ đại thánh nhân xử trí về chỗ nhân luân, cân nhắc trong khoảng tình pháp thực không ai chê trách được.

Trẫm nay thể theo ý của Hoàng Tổ, phép đã làm rồi thì ban cho ơn , Mỹ Đường đã từng bị phế từ lâu và chết rồi đã xứng với tội, còn về con trai con gái và cháu bao nhiêu người, gia ơn chuẩn cho tuân theo ân cách năm Minh Mạng thứ 14 đều cho lại liệt vào tôn phả, cấp cho lương bổng như người tôn thất. Năm ấy Lệ Chung được ân phong làm Cảm Hóa quận công.

Thuận An công tên là Hy: Con thứ hai của Thế Tổ, không rõ mẹ đẻ là ai. Ông mới đầu bổ làm Khâm sai cai đội. Mùa đông năm Mậu Ngọ, chưởng tiền quân là Tôn Thất Hội chết, vua ra lệnh chọn người làm chức súy. Các tướng đều xin cử ông. Vua dụ rằng: Hy còn trẻ, chưa tập việc quân, không bằng lòng cho. Mùa hạ năm Kỷ Mùi, vua thân đi đánh Quy Nhơn, để ông ở lại trấn thành Gia Định. Năm Canh Thân mùa hạ theo vua đi đánh giặc ở Quy Nhơn, thuyền vua đến cửa biển Cầu Huân, sai ông ở lại trấn Diên Khánh, rồi sai đem quân trong bộ thuộc tiến đóng đồn Hội Án, bỗng chốc lại gọi đến hành tại. Năm Tân Dậu mùa hạ ông mất ở trong quân, tuổi 20, tặng là Đặc tiến phụ quốc tướng quân, Thiếu úy, Quận công, thụy là Đôn Mẫn, không có con thừa tự. Ông là người tinh anh nghiêm nghị, mọi người đều sợ. Ông có một cái búa bằng đồng, khi ra đi sai người mang đi theo, người ta gọi là Phủ công (ông hay mang búa đi theo). Năm Gia Long thứ 3, cùng Anh Duệ Hoàng thái tử Cảnh hợp thờ ở tả vu nhà Thái miếu. Năm thứ 13, gia tặng Hoài công, thờ ở

đền Triển Thân. Năm Minh Mạng thứ 13 gia tặng là Tôn nhân phủ tả tôn chính, phong là Thuận An công. Năm Thiệu Trị thứ 3 đổi thờ ở đền Thân Huân.

Hoàng tử tên là Tuấn: Con thứ ba của Thế Tổ, mẹ đẻ là Chiêu Dung họ Lầm, năm 12 tuổi thì chết.

Kiến An vương tên là Đài: Con thứ năm của Thể Tổ, là em cùng mẹ với Thánh Tổ. Ông học rộng hay thơ. Năm Gia Long thứ 16 phong là Kiến An công. Buổi đầu năm Minh Mạng, vua từng đến chơi nhà biết ông tiêu rộng, bổng lộc không đủ, cho 20 quan tiền, dụ rằng: Em phải nghĩ dấy, bổng lộc của người là mỡ béo của dân tất phải kính sẻn, để nối nghiệp nhà, chớ hoang phí để hại đức. Ta vì thiên hạ giữ của, há có thể thưởng dùng của công để làm ơn riêng được ư?

Năm Minh Mạng thứ 14, ông sai thuộc viên trong phủ là Lê Văn Quát đi Hà Nội mua ngựa, Quát đi tắt lên Cao Bằng, yêu sách của dân, tuần phủ Lạng Sơn là Hoàng Văn Quyền đem việc ấy tâu vua biết, Quát phải tội xử tử, ông phải phạt bổng một năm. Năm ấy, Lê Văn Khôi làm phản, ông lấy cớ người vợ lẽ là cháu gọi Khôi bằng cậu, xin truất làm tì. Vua bảo rằng: cháu gọi bằng cậu là bên ngoại, luật cũng không khép tội nay đã truất làm tì, chuẩn cho được đoàn tụ. Và về việc ấy em không can hệ gì, bất tất phải suy sợ quá làm gì nên cứ chiếu lệ thưởng chầu hầu. Ông cúi đầu tạ ơn.

Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) ông tuổi ngày càng cao lên, lúc ra mắt thường ở Nội đình, vua có ban thưởng, đều vâng lời chiếu, ưu đãi được miễn quỳ lạy chỉ làm lễ một vái. Năm thứ 3 quốc tang đã hết, khi có tiệc yến ở đại đình, đều miễn bưng chén dâng rượu chúc thọ, liệt vào ngồi trên để bồi hầu. Lại cấp cho một chiếc thuyền Trường bồng sam bản (33) để phòng khi theo hầu.

Năm thứ 4, ông lên tuổi thọ năm mươi, thưởng trước cho 2000 quan tiền, lại sai hoàng tử mang tờ dụ và các vật hạng ban cho để làm đồ dùng mừng thọ, ông được yêu quý, trọng vọng phần nhiều như thế.

Năm Tự Đức thứ 2 (1849) mùa thu, ông mất, thọ 55 tuổi. Hoàng thượng thương tiếc lắm, nghỉ coi chầu 5 ngày, truy tặng là Kiến An vương, tên thụy là Cung Thận; hậu cấp của công, sai quan sửa việc tang, ngày an táng sai quan đến tế một đàn.

Ông vốn tính trung hiếu, độ lượng rộng rãi, lấy lễ mà giao tiếp với sĩ phu, rộng xem sách vở, càng giỏi về thơ, có làm ra các tập Dưỡng mông, Bảo quang, được lưu hành ở đời. Con trai 40 người, con gái 41 người, con cả là Lương Kỳ, chết năm Minh Mạng thứ 9, tặng là Phụng Ân tướng quân, rồi đổi tặng là Phụng Quốc khanh. Con thứ là Lương Viên, năm Thiệu Trị thứ 3 phong là Phước Trạch đình hầu; năm Tự Đức thứ 8 tập phong Kiến An quận công.

Diên Khánh vương tên là Tấn, lại có tên nữa là Thản, con thứ bảy của Thế Tổ, mẹ được tặng là Chiêu nghi, họ Nguyễn Hữu. Ông hình dáng khôi ngô, tính trời hiền hậu, năm Gia Long thứ 16, phong là Diên Khánh công, khi ấy ông 19 tuổi, ưa thích hào phóng, buổi đầu năm Minh Mạng từng vì việc riêng, thiện tiện đánh roi viên Thị trung cai đội là Lê Văn Hương, Tôn Thất Dịch đem việc ấy tâu lên, vua đương ngự ở Tiện điện (34) các tước công đều ở đấy. Vua quay lại trông ông, rỏ nước mắt mà trách rằng: Lê Văn Hương kia cũng là phẩm quan của triều đình, có tội nên tâu lên, sao có thể tự tiện trách phạt bằng roi. Vả phép của Tiên đế lập ra là phép chung của thiên hạ, anh em ta há được mà dùng riêng ư? Em không thấy Tiên đế thiết tha quở trách Định Viễn công là Bính ư? Khi ấy Định Viễn công có lỗi nhỏ, anh vì Định Viễn công hai ba lần cầu xin miễn cho, Tiên đế còn không tha, sở dĩ phải làm thế là vì lo các Hoàng thân, các tước công sinh trưởng ở chỗ giàu sang cậy được ân yêu, khinh thường phạm đến hiến pháp, cho nên không thể không nghiêm ngặt trách phạt để làm răn cho sau này. Nay anh lấy lòng Tiên đế làm lòng mình mà yêu em, em cũng nên lấy lòng anh làm lòng mình mà yêu anh, cùng nhau cẩn thận giữ phép đã thành để giữ tiếng tốt đến không cùng, chớ làm việc gì phi pháp thế nữa. Ông dập đầu cúi tạ.

Năm Minh Mạng thứ 13, ông lại lầm nghe người buôn xảo quyệt là Diệp Liên Phong kêu xin lấy thuyền nước Thanh, mạo đổi lại làm thuyền miễn thuế, để mưu toan khoan tha thuế. Việc phát ra, ông sợ hãi xin nhận tội. Vua cho là ông đã biết tự hối hận

lắm, không giấu giếm chống chữa chút nào, đặc cách miễn cho. Ông từ đấy quyết tâm rèn luyện, đốc chí học hỏi, đức nghiệp ngày tiến, Thánh tổ càng yêu và yêu dấu hơn lên.

Năm Thiệu Trị thứ 2, vua đi tuần miền Bắc, ông đi theo, thưởng cho rất hậu. Ông ở trong thân thuộc là vai trên mà giữ việc càng kính cẩn trong khoảng 7 năm, theo hầu ở bên tả bên hữu, chăm chăm lòng kính cẩn. Đến tận khi Hiến Tổ ốm, ông thường hầu ở bên, sớm đêm không trễ biếng, Hiến Tổ càng thêm yêu lắm, dặn lại Hoàng thượng ngày nay, sau này nên hậu đãi ông, và phong cho mẹ ông làm Chiêu nghi, để báo đáp công khó nhọc. Vì yêu đương quyến luyến đặc biệt như thế, ông càng cảm khích mưu tính báo đền lại. Năm ấy về nghi lễ tang ma, ông xin trông coi việc ấy. Tới khi việc lớn làm xong, ông có công lao vào đy.

n">Năm Tự Đức thứ I (1848), ông thọ 50 tuổi, vua đặc cách sai Gia Hưng công là Hồng Hưu, thị vệ đại thần là Lâm Duy Nghĩa đưa cho phẩm vật.

Năm thứ 3 xuống dụ thưởng cho một chiếc thuyền bồng, để phòng theo hầu. Lại sách phong mẹ ông làm Chiêu nghi, là làm thành chí của Tiên đế vậy.

Ông phụng sự bà Chiêu nghi, đón trước ý muốn, vâng theo chỉ định ở trong gia đình, giữ cách phụng dưỡng về mũ áo và đồ ngon ngọt, người không ai chê được. Năm thứ 5, để tang bà Chiêu Nghi, thương xót hủy hoại thân hình đủ hết lễ nghi. Sau

khi tế đàm vài tháng, thì bị ốm nặng, thường đối với người nói rằng: cả nhà chịu ơn hậu của nước chưa báo đền được một chút nào, một sớm chết đi, nuốt hận lâu mãi mà thôi, không một lời nào nói đến việc nhà cả. Năm thứ 7 (1854) là năm Giáp Dần, mùa hạ, ông mất thọ 56 tuổi. Trước đây, lúc ông bị ốm, vua đặc biệt cho thầy thuốc của vua ra xem mạch chữa bệnh, ban cấp thứ thuốc của vua dùng, sai trung sứ đến thăm hỏi,không ngày nào không. Kịp khi mất, vua nghe thấy thương khóc, nghỉ coi chầu 4 ngày, truy phong là Diên Khánh vương, cho tên thụy là Cung Chính.

Dụ rằng: từ đời xưa người quân tử có đức để làm rạng rỡ cho nước nhà, không ai là không, lúc sống có vinh danh, lúc chết có hiển hiện. Huống chi lấy người rất thân của nước, có tuổi có đức há nên không nêu lên rõ rệt để khuyến khích người thân? Nghĩ đến Diên Khánh vương giúp rập 4 triều, trung thực một mực, Hoàng khảo ta lúc còn ở ngôi, trong những người rất thân, riêng đối với công càng có kính lễ khác hẳn. Trẫm kính vâng lời dạy của Tiên đế, nghĩ hậu với người thân huân, duy ông tước và tuổi đã lớn mà vẫn mặc áo cao cừu giữ đạo chính (35), lần tường chạy trốn phong tước (36) lại càng khiêm cung, trẫm rất khen ngợi, ấn thao của tước hầu tước vương chưa có lần nào ban cho. Trời làm mất người kỳ lão có đức không để giúp cho ta. Nhớ đến người đức cũ, thực là đau thương. Sắp đến kỳ đưa đám ông, đã ra lệnh cho quan có chức trách hậu cấp tiền tuất, dẫu đến Đông Bình vương (37) đời Hán được cho xe loan lộ quân hổ, về ơn lễ cũng không hơn thế. Lại nghĩ, lễ có đổi tên, vua cho tên thụy, là đạo của đời xưa. Lấy ông là người có đức tốt có công nghiệp, có

huân lao, có danh vọng, cùng với Kiến An vương đã chết, trước sau sáng tỏ, thực dáng khen. Phải nên ưu đãi, lấy điển lễ đặc biệt, cho lấy tước phong to lớn, khiến cho danh và đức của ông, để mãi không mất được. Vậy chuẩn cho truy phong Diên Khánh công làm Diên Khánh vương, cho tên thụy là Cung Chính. Kinh Thi nói rằng: "Thuần hòa người cung kính là nền của đức". Lễ Ký có nói rằng: "Ngay thẳng không gian tà là chất của lễ". Không phải là hiền vương của ta, thì ai đáng được các câu ấy. Hồn vương ở nơi chín suối có thiêng, nhận lấy danh hiệu vinh hiển này. Về cháu trưởng là Hội Kỳ đợi sau này là trưởng thành chuẩn cho do phủ Tôn nhân tâu xin tập phong tước hầu giữ việc phụng thờ vương, để tỏ ý trẫm tôn người có đức, trọng người hiền giống đức của người trước. Sai quan sửa việc tang ma, chuẩn cho hết thẩy đều làm theo như lễ đưa đám cố Kiến An vương ngày trước. Việc tế điện đắp mộ, nhà nước chiếu cấp tiền để làm; lại cấp thêm cho 4000 quan tiền. Vua lại làm bài thơ để viếng. Lại sai Ninh Thuận công là Miên Nghi thay mặt vua đến ban trà, rượu và sai quan đến tế một đàn. Lại sai những bài ơn dụ trước, sau và bài thơ của vua làm khắc vào bia. Lại sai quan sứ ở sứ quán xét hành trạng của vương, soạn văn bia ở trước mộ, để lưu mãi không cùng.

Vương có 20 người con trai, 28 người con gái, trưởng tử là Diên Vực, năm Thiệu Trị thứ 3 được ân phong là Mộ Trạch đình hầu, năm Tự Đức thứ 6 chết, trưởng tôn là Hội K

Điện Bàn công tên là Phổ: Con thứ tám của Thế Tổ, mẹ đẻ mất sớm không rõ sự tích. Năm Gia Long thứ 16, phong là Điện Bàn

công. Năm Minh Mạng thứ 7, ông đặt càn quan chức, làm riêng ấn tín. Việc phát giác ra, ông đến cửa khuyết xin nhận tội. Vua ra lệnh phạt bổng thân công ba năm, triệt bỏ thuộc binh đi, không chuẩn cho theo ban chầu mừng. Và dụ rằng: Ngươi có tính ngu tối đến đỗi bị kẻ không ra người làm mê hoặc, nhiều việc làm càn, xuýt nữa mắc vào tội lớn. Nghĩ tới chuyện ấy, khiến người não lòng, tức giận không thôi. Sau này nếu cố sức mưu tính làm điều thiện, trẫm cũng lượng ra ơn cho. Nếu thói cũ, không chữa tất phải quyết đoán bằng nghĩa lớn. Nhất định không thể vì ngươi mà làm eo phép luật được Ngươi phải ngày đêm răn sợ xét mình, sớm hôm hối hận đổi lỗi. Còn phó trưởng sử thuộc phủ đệ ấy là Nguyễn Văn Bảo giao xuống bộ Hình trị tội.

Ông từ đấy càng tự hối hận lắm, không dám làm bậy. Duy có tính muộn phiền nhiều thiên lệch, thằng nhỏ đầy tớ ông dã yêu thì tự ý đem cho không biết bao nhiêu của. Tuy nhà thường vẫn túng thiếu cũng không tiếc gì.

Năm Tự Đức thứ 13 (1860) mùa thu, ông mất, thọ 62 tuổi. Vua nghỉ coi chầu ba.ngày, cho tên thụy là Cung Đốc; cho nhiều gấm đoạn và tiền, sai quan sửa việc tang. Ngày hôm an táng sai quan đến tế một đàn. Có 2 con trai là Tín Kiên và Tín Phác.

Thiệu Hóa- quận vương tên là Chân: Con thứ 9 của Thế Tổ, là em cùng mẹ với Thánh Tổ. Ông tính cẩn hậu, hiền hòa, khi đi đứng có lễ độ, Thế Tổ yêu ông lắm. Năm Gia Long thứ 16

(1807) ông 15 tuổi, phong là Thiệu Hóa công. Ông thích học, vui làm điều thiện, Thánh Tổ rất yêu, lấy nhà Thánh Tổ vẫn ở khi chưa làm vua đem cho. Ông lại dựng cơ nghiệp riêng ở An Ninh, để làm chỗ lúc rỗi đọc sách. Trong vườn có ao, trồng sen trắng, ngoài hiên trồng tre xanh, nhân gọi chỗ là thôn Bạch Liên, ườn gọi là vườn Thê Phượng.

Buổi đầu năm Minh Mạng, Hiến Tổ Chương Hoàng đế ra mở phủ, kém ông 4 tuổi, cùng ông học tập trong lúc tuổi trẻ, ông rất có lễ coi trọng Hiến Tổ. Về kiến thức hơn người như thế. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) là năm Giáp Thân ông mất mới 22 tuổi. Khi ông mới bị bệnh, Hoàng thái hậu lấy làm lo, một hôm đốt hương khấn trời rằng: "Bệnh ông có khỏi hay không, xin báo mộng cho biết". Đêm nằm mộng thấy một người già đến trước mặt tâu rằng: "Ông sẽ chết". Tới khi ông chết, vua rất thương tiếc, nghỉ coi chầu năm ngày, tặng Thiệu Hóa quận vương, tên thụy là Cung Lượng; hậu cấp của công sai quan sửa việc tang. Ngày an táng, vua lên lầu cửa Đông Nam trông theo khóc đưa.

Năm Thiệu Trị thứ 1 (1841), Hiến Tổ Chương Hoàng đế đến yết lăng, lúc trở về qua trang An Ninh, đến nhà thờ ở mộ của vương, cầm chén rượu rót xuống đất để tế. Ông có 2 con trai, con cả là Thiện Khuê, năm Minh Mạng thứ 16 (1835) tập phong là Thiệu Hóa công, rồi vì hoang phí, của dùng trong nhà ngày một hao hụt đi. Rồi đem kim sách ngân sách cầm cố đi, việc phát giác ra, phải giáng làm Thiệu Hóa đình hầu. Sau biết hối hận đổi lỗi, năm Tự Đức thứ 13 (1860) chuẩn cho khai phục

nguyên tước. Con thứ là Thiệu Chí, năm Minh Mạng thứ 20 (1839) ân phong làm Lại Trạc đình hầu.

Quảng Uy công tên là Quân: Con thứ mười của Thế Tổ, mẹ là Đức Phi họ Lê. Năm Gia Long thứ 16 phong là Quảng Uy công.

Ông lúc còn tuổi trẻ thích chơi đùa và sấc láo kiêu ngạo. Giáo đạo là Ngô Đình Giới dạy bảo đốc trách có phần nghiêm ngặt. Ông ghét lắm. Một hôm ông sai thằng nhỏ đầy tớ bắt con hà mô trói để ở sân, lấy roi đánh, bảo rằng: "Mày chớ khinh ta" (con hà mô tục gọi là con nhái, nhái với giái, tiếng miền Trung nói giới là giái, tiếng gần như nhau cho nên lấy thế làm trò đùa). Buổi đầu năm Minh Mạng, vua cho Tần Đ Nghĩa chuyên làm thầy giảng dạy, ban cho cái roi. Dụ rằng: em nhỏ tuổi của trẫm, sinh trưởng ở trong cung cấm, không dạy thì không nên người có đức được. Ngươi sớm khôn khéo dẫn bảo, có lỗi thì đánh, chớ để cho kiêu lười thành tính. Lại sai Hàn lâm trực giảng là Nguyễn Đăng Sĩ sung làm giảng quan ở phủ của ông.

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829) là năm Kỷ Sửu mùa hạ, ông bị bệnh đậu chết, mất 21 tuổi. Vua nghỉ coi chầu ba ngày, cho tên thụy là Cung Trực. Sai Hoàng trưởng tử (tức là Hiến Tổ Chương Hoàng đế) đến cho rượu, chi phát gấm vóc vải lụa và tiền của công, sai quan sửa việc tang. Ngày an táng sai quan đến tế một đàn. Ông không có con thừa tự.

Thường Tín công tên là Cự. Con thứ 11 của Thế Tổ, là em cùng mẹ với Quảng Uy công tên là Quân. Năm Gia Long thứ 16 phong là Thường Tín công. Buổi đầu năm Minh Mạng, coi việc thờ tự Long Thành thái trưởng công chúa. Năm Tự Đức thứ 2, mùa hạ ông mất, thọ 40 tuổi, tên thụy là Ôn Tĩnh. Ông có 7 con trai, 11 con gái, con thứ ba là Thường Đổng, năm Tự Đức thứ 8 phong là Vĩnh Ân đình hầu; con thứ năm là Thưởng Lâu, năm ấy cho tước là Trợ Quốc khanh.

An Khánh công tên là Quang: Con thứ 12 của Thế Tổ, mẹ là Mỹ nhân họ Trịnh. Năm Minh Mạng thứ 6 phong là An Khánh công.

Năm thứ 12 (1831) ông gặp tang mẹ, dâng sớ xin thợ và phu dịch vật liệu, đều đã gia ơn hậu cấp cho. Năm 13, tang mẹ đã an táng rồi, lại tâu xin gạch và chi trước cho tiền bổng năm Minh Mạng thứ 14. Vua dụ rằng: An Khánh công Quang trước nhân có việc tang riêng mượn cớ xin nài không những hai ba lần, trẫm lấy cớ là thân công, đặc cách cấp thưởng hậu cho và phái lính cùng voi đến giúp đỡ làm việc, lại gia ơn cho mượn trước lương bổng năm Minh Mạng thứ 13 để sửa việc tang. Nay lại không biết là đầy đủ, lại có lời xin nài, xem ra quả là mượn cớ để mong cầu lợi. Toàn nói hàm hồ, thực là nhảm nhí quá lắm. Tập tâu ấy vất trả lại, và truyền chỉ sức quở nghiêm ngặt rằng: Sau này nếu không yên bản phận, tự tâu cầu xin việc gì, tức thì giao cho phủ Tôn nhân.hội đồng với bộ Hình nghị tội nghiêm ngặt không tha. Từ đấy về sau, không dám xin việc nữa. Năm thứ 14, ba ngày tết tháng giêng, ông thay vua đi tế các miếu. Vì

chậm trễ, làm lỡ việc, dâng sớ xin nhận lỗi, vua giao xuống cho Tôn nhân nghị tội, bị phạt bổng một năm.

Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) mùa hạ, ông mất, tuổi 35, vua nghỉ coi chầu ba ngày, cho tên thụy là Trang Mẫn, cho nhiều gấm đoạn và tiền, ngày an táng sai quan đến tế một đàn; thờ ở đền Triển Thân, ông không có con thừa tự.

QUYỂN 3

TRUYỆN CÁC CÔNG CHÚA

Bốn con gái của Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế

Long Thành công chúa Ngọc Tú: Con gái lớn của Hưng Tổ, là chị cùng mẹ với Thế Tổ. Khi biến loạn năm Giáp Ngọ (1774) theo Hiếu Khang Hoàng hậu, ẩn náu làng An Du. Mùa xuân năm Kỷ HO07;i theo hậu vào cung Gia Định, gả cho Cai cơ là Lê Phước Điến. Năm Quý Mão (1783) chiến dịch 903; đảo Điệp Thạch, Điến bị giặc bắt được, chửi giặc rồi bị giết. Chép rõ ở truyện của Điến. Khi ấy chúa còn trẻ tuổi giữ tiết không đi lấy

chồng nữa. Chúa từng nói rằng: Điến làm ngề tôi biết chịu chết vì tiết nghĩa, ta là người há nên biến đổi tiết nghĩa, khi nào lấy lại được kinh thành cũ ta nên lập tức xuất gia để thờ Phật mà thôi. Vua khen về chí tiết liệt của chúa. Buổi đầu năm Gia Long, vua làm nhà lớn tại xã Dương Xuân để chúa ở. Chúa thường xin gọt tóc, vua không bằng lòng cho.

Năm Minh Mạng thứ 4 (1825) năm Quý Mùi, mùa đông chúa mất, thọ 65 tuổi. Trước đây chúa bệnh nặng, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế đến thăm, chúa khóc nói rằng: Cắt tóc thờ Phật, đấy là ý muốn lúc bình sinh của vị vong nhân (38) này, có chí muốn mà chưa làm được, duy nhà vua làm cho trọn vẹn ý muốn ấy, sau khi chết rồi, chớ có để tóc, liệm bằng áo cà sa, thế là hồn ở dưới chín suối, xong được ý muốn ấy rồi. Vua lấy làm cảm động. Khi chúa mất rồi, vua đem lời nói của chúa bảo Kiến An công là Đài. Kiến An công Đài tâu rằng: thân thể tóc da là của cha mẹ để cho, lúc mới sinh ra trọn vẹn, lúc chết vẫn giữ được trọn vẹn là lễ đấy. Nhà vua trị thiên hạ nên chuộng đạo chính, truất bỏ dị đoan, lời chúa xin thế không thể theo được. Vua cho là phải. Bèn sai ông (Đài) cùng Diên Khánh công là Tấn hội đồng với bộ Lễ sửa việc tang, cấp cho nhiều của công, nghỉ coi chầu năm ngày, sai quan đến tế một đàn, tặng là Long Thành thái trưởng công chúa, tên thụy là Trinh Tĩnh, phụ táng ở bên cạnh lăng Thụy Thánh (39). Ngày an táng, vua lại nghỉ coi chầu một ngày, mặc áo trắng đi đưa. Trước kia, năm Gia Long thứ 11 (1812), sửa làm lăng Thụy Thánh, vua dụ rằng: Trưởng công chúa thờ mẹ có hiếu, kính giữ đạo làm con trong lúc gian nan để tiếng thơm như ngọc uyển ngọc diễm, đặc biệt chuẩn cho dựng sinh

phần ở bên lăng. Lại dự đặt nơi phụ hưởng ở một gian bên tả Tẩm điện (đền thờ ở lăng Thụy Thánh). Đến đây mất bèn phụ táng ở đấy. Năm thứ năm, phụ hưởng ở một bên tả hướng tây. Không có con thừa tự, lấy Thường Tín công Cự coi việc thờ tự.

Phước Lộc công chúa Ngọc Du: Con gái thứ hai của Hưng Tổ, mẹ đẻ là Từ phi họ Nguyễn. Mùa xuân, năm Kỷ Hợi, công chúa theo Hiếu Khang Hoàng hậu vào Gia Định, gả cho Võ Tánh, làm quan đến Chưởng hậu quân, có truyện chép riêng. Buổi đầu năm Gia Long, vua làm nhà ở xã Xuân Hòa để cho chúa ở. Năm Minh Mạng thứ 1 (1820) là năm Canh Thìn, mùa hạ, chúa mất, thọ 59 tuổi. Vua nghỉ coi chầu năm ngày, tặng là Nhu Gia thái trưởng công chúa, sai chi của công để sửa việc tang; lại cho thêm một ngàn quan tiền, một ngàn phương gạo. Ngày an táng, sai quan đến tế một đàn. Năm Minh Mạng thứ mười truy tặng là Phước Lộc thái trưởng công chúa. Chúa có một con trai, hai con gái.

Minh Nghĩa công chúa Ngọc Tuyền: Con gái thứ ba của Hưng Tổ, là em gái cùng mẹ với Phước Lộccông chúa Ngọc Du. Mùa xuân năm Kỷ Hợi, chúa theo Hiếu Khang Hoàng hậu vào Gia Định, gả cho Hữu cơ là Nguyễn Hữu Thụy. Mùa xuân năm Nhâm Dần cùng đem lính trong bộ thuộc tiến đóng ở Lộc Dã để chống giặc, tướng Bình nhung của giặc là Nguyễn Văn Kim nghe thấy, đem quân đánh úp, quân của Thụy đánh không lại, lui về Giang Lăng, thu quân lại đánh, bị thua, chúa cùng Thụy chạy tan vỡ,

lạc mất nhau. Chúa bèn lén đến ngụ ở Ba Phủ, có người ở Bình Hóa là Nguyễn Hưng Hiên cấp lương khô cho chúa, dựng nhà tranh cho chúa ở. Kim do thám biết tin, bức bách chúa đưa về dồn; Đốc chiến của giặc là Tập lại bức bách chúa phải thiên đến Sài Gòn, khi thuyền đến sông Tam Đà, chúa giữ nghĩa không chịu nhục, nghiêm nét mặt chửi mắng giặc rồi nhảy xuống sông chết, tuổi mới mười chín. Năm Minh Mạng thứ mười chín, truy tặng là Minh Nghĩa thái trưởng công chúa, tên thụy là Trinh Liệt, thờ ở sau đền Triển Thân. Không có con thừa tự.

Công chúa Ngọc Uyển: Con gái thứ tư của Hưng Tổ, mẹ đẻ là họ Tống. Khi biến loạn năm Giáp Ngọ, chúa vì tuổi nhỏ, lẩn lút ở dân gian, gả cho người quý h(túc Tống Sơn) tỉnh Thanh Hóa là Tống Phước Tín. Năm Gia Long thứ 9 mùa đông chúa mất, thọ 45 tuổi, có bốn con trai, một con gái.

Các con gái của Thế Tổ:

(Cộng mười tám người, mười bảy người đã ghi lên truyện, còn một người chưa ghi)

Bình Thái công chúa Ngọc Châu: Con gái cả của Thế Tổ, mẹ là họ Phạm được tặng là Chiêu dung. Năm Gia Long thứ bảy, gả cho Vệ úy Nguyễn Văn Ngoạn là con Đoan Hùng quận công Nguyễn Văn Trương. Năm Minh Mạng thứ 14, Ngoạn chết. Năm thứ 21 phong làm Bình Thái trưởng công chúa. Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), mùa thu, chúa mất, thọ 66 tuổi thụy là Đoan Tuệ, có một con gái.

Bình Hưng công chúa Ngọc Quỳnh: Con gái thứ hai của Thế Tổ, là em gái cùng mẹ với Hoàng tử thứ ba là Tuấn. Năm Gia Long thứ 7 (1808) gả cho Trưởng vệ Phạm Văn Tín là con Tiên Hưng quận công Phạm Văn Nhân. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), phong là Bình Hưng trưởng công chúa. Năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) Tín chết. Năm Tự Đức thứ hai, mùa hạ, chúa chết. thọ 62 tuổi, thụy là Uyển Thục, có hai con trai, một con gái.

Bảo Lộc công chúa Ngọc Anh: Con gái thứ ba của Tổ, là em gái cùng mẹ với Bình Hưng công chúa Ngọc Quỳnh. Năm Gia Long thứ 7, gả cho Vệ úy Trương Phước Đặng là con Cai cơ Trương Phước Tuấn. Năm Minh Mạng thứ 8, Đặng làm việc bắt giặc điều khiển trái lẽ, bị cách chức, giao nghị tội. Đặng sợ tội tự tử chết, khai phục nguyên hàm. Năm thứ 21 phong là Bảo Lộc trưởng công chúa. Mùa xuân năm Tự Đức thứ 3, chúa mất, thọ 61 tuổi, tên thụy là Trinh Hòa, có một con trai, ba con gái.

Công chúa Ngọc Trân: Con gái thứ tư của Thế Tổ, mẹ là họ Hoàng, được tặng là Chiêu dung. Năm Gia Long thứ 17, gả cho vệ úy Nguyễn Đức Long là con Thiếu bảo, Đô thống chế Nguyễn Đức Thịnh. Năm thứ 18, mùa hạ, chúa mất, thọ 30 tuổi, tên thụy là Tĩnh Chất, không có con thừa tự.

Bảo Thuận công chúa Ngọc Xuyến: Con gái thứ năm của Thế Tổ, là em gái cùng mẹ với Bình Thái công chúa Ngọc Châu. Năm Gia Long thứ 17, gả cho Vệ úy Nguyễn Hoàng Toán là con Kiến Xương quận công Nguyễn Hoàng Đức. Năm ấy Toán chết; sau lại lấy Vệ úy Trương Văn Minh, Minh cũng chết trước. Năm Minh Mạng thứ 21, phong là Bảo Thuận trưởng công chúa. Năm Tự Đức thứ 4, chúa mất, thọ 60 tuổi, tên thụy là Trinh Tuệ, không có con thừa tự.

Công chúa Ngọc Ngoạn: Con gái thứ sáu của Thế Tổ, mẹ là thứ nhân họ Tống. Năm Gia Long thứ 17, gả cho Vệ úy Mai Đức Nho là con Vĩnh Lại hầu Mai Đức Nghị. Năm ấy Nho chết, năm Minh Mạng thứ 8, chúa mất, tuổi 33, tên thụy là Trang Khiết, không có con thừa tự.

An Thái công chúa Ngọc Nga: Con gái thứ bảy của Thế Tổ, mẹ là tài nhân họ Dương. Năm Gia Long thứ 17, gả cho Vệ úy Nguyễn Đức Thiện là conái Chân quận công Nguyễn Đức Xuyên.

Năm ấy Thiện chết, không có con thừa tự. Sau lại lấy Lãnh binh Trấn Tây là Vũ Viết Tuấn (1à con cả Thị nội thống chế Vũ Viết Bảo). Năm Minh Mạng thứ 21, đem quân cứu viện đồn Sa Tôn, bị thương nặng rồi chết; tặng là Chưởng vệ. Năm Tự Đức thứ 7, phong là An Thái thái thái trưởng công chúa (40). Năm thứ 9, chúa mất, thọ 61 tuổi, tên thụy là Nhu Hòa. Có ba con trai, hai con gái.

Công chúa Ngọc Cửu: Con gái thứ tám của Thế Tổ, là em gái cùng mẹ với Định Viễn công Bính. Năm Minh Mạng thứ 4, gả cho Lê Hậu là con Lê Chất. Năm Minh Mạng thứ 11 Hậu chết, năm Thiệu Trị thứ 6, chúa mất, tuổi 45, tên thụy là Uyển Thục, có ba con trai, một con gái.

Nghĩa Hòa công chúa Ngọc Nguyệt: Con gái thứ chín của Thế Tổ, mẹ là họ Tống, được tặng là Chiêu dung. Năm Minh Mạng thứ 4, gả cho Phó vệ úy Nguyễn Đức Hỗ là con đích của Khoái Châu quận công Nguyễn Đức Xuyên. Năm Thiệu Trị thú 6, chúa mất, thọ 44 tuổi, tặng là Nghĩa Hòa thái trưởng công chúa, tên thụy là Cung Khiết, có năm con trai, bốn con gái.

An Nghĩa công chúa Ngọc Ngôn: Con gái thứ mười của Thế Tổ, là em gái cùng mẹ với Quảng Uy công tên là Quân. Năm Minh Mạng thứ 4, gả cho Lê Văn Yên là con cả Lê Văn Phong làm con thừa tự Lê Văn Duyệt. Năm thứ 16 (1835) việc án của Duyệt

phát ra, Yên bị tội phải xử tử. Năm Tự Đức thứ 7, phong là An Nghĩa thái thái trưởng công chúa. Năm thứ 9, chúa mất, thọ 53 tuổi, tên thụy là Trinh Lệ, có ba con trai.

Công chúa Ngọc Khuê: Con gái thứ 12 của Thế Tổ, là em gái cùng mẹ với công chúa Ngọc Ngôn. Năm Minh Mạng thứ 6, gả cho Vệ úy Nguyễn Văn Thiện là con thứ của Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhân. Năm Minh Mạng thứ 8, chúa mất, tuổi 21, tên thụy là Trinh Ý. Năm thứ 9, Thiện chết, có một con trai.

Định Hòa công chúa Ngọc Cơ: Con gái thứ 13 của Thế Tổ, mẹ là mỹ nhân họ Nguyễn Đình. Năm Minh Mạng thứ 10 gả cho Vệ úy Nguyễn Hoàng Thành là con thứ của Kiến Xương quận công Nguyễn Hoàng Đức. Năm thứ 13, Thành chết, chúa dựng am ở làng Dương Xuân để ở; năm Tự Đức thứ 9, chúa mất, thọ 49 tuổi, tặng là Định Hòa thái thái trưởng công chúa, tên thụy là Đoan Nhàn, có hai con trai.

Hoàng nữ Ngọc Thiều: Con gái thú 14 của Thế Tổ, mẹ là tài nhân họ Nguyễn Viết, một tuổi thì chết.

Hoàng nữ Ngọc Lý: Con gái thứ 15 của Thế Tổ, mẹ là Tài nhân họ Trần, năm Gia Long thứ 18, mùa xuân chúa mất, mới mười một tuổi.

Công chúa Ngọc Thành: Con gái thứ 16 của Thế Tổ, mẹ là Tài nhân họ Phan, năm Minh Mạng thứ 10 gả cho Vệ úy Hồ Văn Thập là con Phước quốc công Hồ Văn Bôi, chưa cưới mùa đông năm ấy chúa mất, tuổi 18, tên thụy là Nhu Khiết.

Hoàng nữ Ngọc Bích: Con gái thứ 17 của Thế Tổ, mẹ là mỹ nhân họ Trần. Mùa hạ năm Gia Long thứ 13, hoàng nữ chết, mới lên tám tuổi.

Hoảng nữ Ngọc Trinh>Con gái thứ 18 của Thế Tổ, mẹ là tài nhân họ Đặng. Mùa xuân năm Gia Long thú 14, hoàng nữ mất, lên bảy tuổi.

QUYỂN 4

TRUYỆN CÁC QUAN. MỤC I

(Tôn Thất)